CHƯƠNG 4
QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

4.1. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Bắt đầu đổi mới kể từ năm 1986, hệ thống pháp luật Việt Nam đã không ngừng được xây dựng và hoàn thiện. Đến nay, chúng ta đã có một hệ thống pháp luật khá đầy đủ và đồng bộ trên hầu hết các lĩnh vực, đủ để điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội, tạo cơ sở pháp lý cho quản lý nhà nước cũng như môi trường, hành lang pháp lý dẫn dắt, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trong chặng đường gần 40 năm ấy, chúng ta đã có ba lần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp (ban hành Hiến pháp năm 1992 thay thế Hiến pháp năm 1980; sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 vào năm 2001 và ban hành Hiến pháp mới năm 2013). Như vậy, trong giai đoạn này, cứ khoảng 10 năm chúng ta lại sửa đổi, bổ sung hiến pháp một lần. Và mỗi lần như vậy đánh dấu một giai đoạn mới của sự phát triển hệ thống pháp luật, phù hợp với những tư tưởng chính trị - pháp lý mới của Hiến pháp, đáp ứng yêu cầu

đổi mới, phát triển đất nước trong một giai đoạn cụ thể. Ba lần sửa đổi hiến pháp đã cơ sở cho ba giai đoạn phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam. Có thể khái quát ba giai đoạn, tương ứng với ba cấp độ phát triển, hoàn thiện của hệ thống pháp luật Việt Nam như sau: giai đoạn thứ nhất từ năm 1986 đến năm 2001, là hệ thống pháp luật chuyển đổi; giai đoạn thứ hai từ năm 2002 đến năm 2013, là hệ thống pháp luật chuyển đổi và hội nhập; giai đoạn thứ ba từ năm 2014 đến nay và cho tương lai, là hệ thống pháp luật hội nhập và kiến tạo phát triển.

- Hệ thống pháp luật chuyển đổi là hệ thống pháp luật Việt Nam thời kỳ đầu của công cuộc đổi mới, bắt đầu từ năm 1986 đến năm 2001. Hệ thống pháp luật thời kỳ này được chi phối bởi các quan điểm, chính sách của những năm đầu thời kỳ đổi mới được ghi nhận trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII và đặc biệt là sự ra đời của Hiến pháp năm 1992. Tư tưởng chủ đạo của đổi mới thời kỳ này chủ yếu là đổi mới kinh tế, là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Chính vì vậy, hệ thống pháp luật của chúng ta thời kỳ này mang nặng dấu ấn của hệ thống pháp luật chuyển đổi, từng bước xóa bỏ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, chuyển nền kinh tế sang sản xuất hàng hóa với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Trong giai đoạn 15 năm từ năm 1987 đến năm 2001, Quốc hội các khóa VIII, IX và X đã ban hành 108 luật, khởi đầu là Luật Đất đai, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987 và sau đó là sự ra đời của một loạt các luật quan trọng trong lĩnh vực kinh tế như: Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước năm 1997, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, nhiều đạo luật thuế và các đạo luật chuyên ngành khác... đã đặt những viên gạch đầu tiên, tạo lập nền móng cho việc hình thành thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cho những giai đoạn tiếp theo.

- Hệ thống pháp luật chuyển đổi và hội nhập là hệ thống pháp luật giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2013, sau khi sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 đến khi ban hành Hiến pháp năm 2013. Tư tưởng chủ đạo của xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của giai đoạn này được ghi nhận trong lần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 vào năm 2001, đó là: "xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động hội nhập quốc tế; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa".

Hệ thống pháp luật trong giai đoạn này có thể coi là thế hệ thứ hai của hệ thống pháp luật thời kỳ đổi mới và cũng là thế hệ thứ hai của hệ thống pháp luật chuyển đổi. Dòng chính trong

sự phát triển của hệ thống pháp luật giai đoạn này vẫn tiếp tục mang dấu ấn của thời kỳ chuyển đổi nhưng chú trọng nhiều hơn đến hội nhập quốc tế. Theo đó, hệ thống pháp luật thời kỳ này tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để chuyển đổi, xóa bỏ về cơ bản các tàn tích của cơ chế quản lý cũ, xác lập đồng bộ cơ chế quản lý mới, đặc biệt là hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từng bước tiệm cận đến thông lệ quốc tế, đặc biệt là việc ký kết Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ năm 2000 và gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới năm 2006. Đây cũng là lần đầu tiên trong hiến pháp Việt Nam xuất hiện cụm từ "kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài" và được ghi nhận là một trong những "thành phần kinh tế" trong cơ cấu nền kinh tế đất nước. Tuy vậy, hội nhập quốc tế trong giai đoạn này vẫn được tiến hành từng bước, thận trọng và diễn ra trong lĩnh vực kinh tế là chủ yếu.

- Hệ thống pháp luật hội nhập và kiến tạo phát triển là hệ thống pháp luật trong giai đoạn hiện nay, bắt đầu từ sau sự ra đời của Hiến pháp năm 2013 và sẽ là tư tưởng, định hướng cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong những thập kỷ tới. Hệ thống pháp luật này được coi là thế hệ thứ ba của hệ thống pháp luật thời kỳ đổi mới. Theo đó, hệ thống pháp luật sẽ được xây dựng và hoàn thiện theo hướng: phục vụ mục tiêu kiến tạo phát triển, tạo dựng hành lang pháp lý an toàn cho phát triển và hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới cả về kinh tế, chính trị và văn hóa như đã được khẳng định trong Hiến pháp năm 2013 là: "xây dựng nền kinh tế độc

lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" và tiếp tục khẳng định xây dựng "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế".

Như vậy có thể thấy rõ kể từ khi đổi mới đất nước vào năm 1986 và trong suốt tiến trình đó, chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có bước tiến đáng kể, thể hiện trên các mặt hoạt động sau đây:

Một là, về xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật về kinh tế.

Thời gian qua, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đã có nhiều cố gắng, nỗ lực, đổi mới, tạo nhiều chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng, ban hành pháp luật về kinh tế theo hướng thực chất, hiệu quả hơn; đã dành nhiều thời gian, công sức để thực hiện. Thông qua đó, chất lượng xây dựng các văn bản luật, pháp lệnh được nâng cao, tính dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động lập pháp ngày càng được tăng lên.

Đặc biệt, từ thời kỳ đổi mới đến nay, Nhà nước luôn chú trọng ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, từng bước hoàn thiện pháp luật về kinh tế và liên quan đến kinh tế. Đây thực sự là khuôn khổ pháp lý quan trọng thực hiện chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước, bảo đảm sự vận hành thông suốt của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo lập môi

trường pháp lý ngày càng thuận lợi khuyến khích các ngành, các lĩnh vực kinh tế, doanh nghiệp và người dân, trong đó có các doanh nghiệp nước ngoài yên tâm kinh doanh và đầu tư vào Việt Nam.

Tuy nhiên, công tác xây dựng pháp luật vẫn còn những hạn chế, thiếu sót, nhiều dự án không thực hiện được đúng kế hoạch; chất lượng chuẩn bị một số dự án chưa cao, hồ sơ chưa bảo đảm, nhiều trường hợp gửi chậm so với quy định; việc thể chế hóa một số chủ trương, chính sách trong các nghị quyết Trung ương còn chậm so với yêu cầu.

Mặc dù đã có những đổi mới nhưng sự chuyển biến còn chậm, vẫn còn những tồn tại, hạn chế từ nhiều năm chưa được khắc phục như: tính dự báo không cao, chủ yếu vẫn chạy theo tiến độ, thiếu tầm nhìn cho năm tiếp theo; tình trạng xin lùi, rút hoặc bổ sung các dự án luật về kinh tế trình Quốc hội còn nhiều. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt trên các lĩnh vực cần xây dựng, sửa đổi luật, tạo hành lang pháp lý để cụ thể hóa những chủ trương, chính sách thành thể chế, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, nhưng thực tế cho thấy các bộ, ngành còn lúng túng chưa có nhiều đề xuất.

Bên cạnh đó, việc đề nghị điều chỉnh thời gian trình, không bảo đảm thời gian trình theo tiến độ đã đăng ký của một số dự án luật vẫn còn. Có bộ, ngành chưa thực sự quan tâm, đầu tư thời gian, công sức thỏa đáng cho công tác lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; việc thực hiện còn lúng túng, chưa kịp

thời. Một số đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh về kinh tế chưa có đầy đủ căn cứ khoa học và thực tiễn; không ít báo cáo đánh giá tác động, báo cáo tổng kết còn sơ sài, thiếu đánh giá về dự kiến nguồn lực hoặc dự kiến nguồn lực còn định tính, thiếu định lượng, ảnh hưởng đến tính khả thi của chính sách đề xuất; cũng còn có hồ sơ dự án không có ý kiến của một số bộ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc có ý kiến nhưng không bảo đảm đầy đủ, chất lượng chưa cao.

Hai là, về tổ chức triển khai thi hành pháp luật về kinh tế.

Song song với việc chú trọng thực hiện xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật về kinh tế, Nhà nước mà trực tiếp là Chính phủ đã từng bước thể chế hóa pháp luật, xây dựng các chính sách kinh tế vĩ mô, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng cho người dân, doanh nghiệp; xóa bỏ độc quyền nhà nước về hoạt động ngoại thương, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, trong đó có khu vực tư nhân tham gia xuất, nhập khẩu trực tiếp; hoạt động của hệ thống ngân hàng chuyển sang cơ chế thị trường, với hệ thống hai cấp,...

Tuy nhiên, người đứng đầu một số cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn thiếu trách nhiệm nêu gương, chưa gương mẫu thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong thực hiện nhiệm vụ, chưa thực hiện đúng và đầy đủ việc tiếp công dân theo quy định của pháp luật; công tác quản lý, giáo dục cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền chưa được thường xuyên, chặt chẽ; công tác thanh tra, kiểm tra công vụ chưa được chú trọng, chưa chủ

động, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm, thậm chí có nơi còn bao che, dung túng cho hành vi sai trái của người vi phạm; việc tổ chức đối thoại, tiếp công dân chưa thực chất, còn hình thức.

Tinh thần phục vụ, đạo đức công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức còn thấp, chưa làm hết trách nhiệm; kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số nơi, trên một số lĩnh vực còn thiếu các biện pháp hữu hiệu để chấn chỉnh, khắc phục như: thuế, hải quan, đất đai, cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đầu tư, môi trường, xây dựng, cảnh sát giao thông, thanh tra chuyên ngành và một số đơn vị cung ứng dịch vụ hành chính công phục vụ yêu cầu của người dân ở xã, phường, cơ sở khám chữa bệnh, giáo dục,...

Mặc dù, việc cải cách hành chính nhiều năm qua được Chính phủ và các cấp đặc biệt chú trọng đã có nhiều tiến bộ trong việc cắt giảm, rút ngắn các thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết các yêu cầu của người dân, doanh nghiệp, nhưng ở một số lĩnh vực, bộ, ngành, địa phương thủ tục hành chính còn rườm rà, thiếu công khai, minh bạch, vẫn còn nhiều "giấy phép con"; việc cắt giảm điều kiện kinh doanh ở một số bộ, ngành chưa đồng bộ, có tình trạng chạy theo số lượng, mang tính đối phó,... Trung tâm dịch vụ hành chính công đã được triển khai nhưng ở một số nơi thực hiện chưa hiệu quả, còn hình thức; còn nhiều trùng lắp trong xử lý, giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp,... Việc xây dựng Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ

thông tin trong giải quyết công việc chưa đồng bộ, chưa tạo được sự kết nối, liên thông giữa các ngành, cơ quan, giữa Trung ương và địa phương.

Việc tiếp nhận phản ánh, góp ý, phê bình, tố cáo của người dân, cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế. Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một số doanh nghiệp, người dân chưa tốt, còn tình trạng tiếp tay cho những hành vi sai trái của cán bộ, công chức để được giải quyết công việc của mình một cách thiếu chính đáng, không đúng pháp luật.

Ba là, về hoạt động bảo vệ các quan hệ kinh tế hợp pháp, xử lý vi phạm pháp luật về kinh tế và giải quyết tranh chấp kinh tế.

Để bảo đảm trật tự, an ninh kinh tế, bảo vệ các quan hệ kinh tế hợp pháp, Nhà nước đã quan tâm đến việc xử lý các vi phạm pháp luật về kinh tế, nhất là trọng tài và xét xử trong việc giải quyết các tranh chấp kinh tế và liên quan đến kinh tế. Đặc biệt, Nhà nước đã chú trọng thực hiện các hoạt động này thông qua hòa giải trong việc giải quyết các tranh chấp kinh tế và bước đầu đã đạt được một số kết quả khả quan.

Trong công tác giải quyết các vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại và lao động, các tòa án nhân dân đã thụ lý, giải quyết, xét xử các vụ việc, chiếm tỷ lệ cao là các tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Đặc biệt, với các vụ việc dân sự, các tòa án đã hạn chế đến mức

thấp nhất việc để quá thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật; hạn chế tối đa việc tạm đình chỉ nhiều lần đối với một vụ án hoặc tạm đình chỉ giải quyết vụ án không đúng căn cứ pháp luật. Làm tốt việc hướng dẫn các đương sự thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, tài liệu của vụ án; chủ động xác minh, thu thập chứng cứ trong những trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật; tăng cường phối hợp với các cơ quan hữu quan nhằm giải quyết tốt vụ án. Nhận thức rõ tầm quan trọng và hiệu quả thực tế của công tác hòa giải, lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao đã chỉ đạo các tòa án cần chú trọng và tập trung thực hiện có hiệu quả công tác này, qua đó bảo đảm việc giải quyết các vụ án về kinh tế và liên quan đến được nhanh chóng, kịp thời, góp phần củng cố mối đoàn kết trong nội bộ nhân dân.

Tuy nhiên, do việc xử lý các vi phạm pháp luật về kinh tế còn chưa nghiêm, với các chế tài chưa đủ sức răn đe, nên tình hình vi phạm pháp luật về kinh tế vẫn diễn biến phức tạp. Trong đó, nổi lên một số loại vi phạm chủ yếu sau đây: xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp diễn ra tương đối phổ biến, với các hành vi vi phạm diễn ra ở hầu hết các loại sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, tập trung dưới dạng sao chép nhãn hiệu, sao chép kiểu dáng, mang các chỉ dẫn giả mạo; hàng giả, hàng nhái, hàng buôn lậu,... được bày bán công khai; cạnh tranh không lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh; cho vay nặng lãi và siết nợ, đòi nợ thuê; trốn thuế và lạm dụng giá, gian lận giá;...

Bốn là, về khắc phục và hạn chế khuyết tật của kinh tế thị trường.

Nhà nước đã ưu tiên thực hiện, cụ thể là: xây dựng và triển khai thực hiện pháp luật, các chính sách kinh tế về dự báo và chủ động đối phó với khủng hoảng, suy thoái kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chung tay cùng xã hội "xóa đói, giảm nghèo", giảm bất bình đẳng xã hội và phân hóa giàu nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, việc làm cho người lao động, chống độc quyền (của doanh nghiệp và bản thân Nhà nước thông qua các doanh nghiệp nhà nước), bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, xử lý kịp thời những vi phạm môi trường, ảnh hưởng xấu đến xã hội,... Có thể nói, trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước bảo đảm các hoạt động kinh tế diễn ra thuận lợi, trong trật tự được quy định bởi các quy phạm pháp luật về kinh tế và liên quan đến kinh tế, phục vụ lợi ích của người dân, doanh nghiệp hướng đến các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, vẫn còn một số vụ việc xảy ra do công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, ngăn ngừa độc quyền chưa được thực hiện tốt cũng làm cho một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh bị phá sản, người lao động thất nghiệp, bị bần cùng hoá, góp phần nới rộng khoảng cách giàu nghèo, phân hoá xã hội.

Năm là, về hoạt động bảo đảm hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế đối ngoại.

Thời gian qua, Nhà nước ta đã chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tạo môi trường hòa bình và điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước; đưa quan hệ hợp tác với các quốc gia phát triển, các tập đoàn kinh tế đa quốc gia đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Nhà nước vẫn còn có những quy định pháp luật, chính sách kinh tế ưu đãi quá mức cho các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các doanh nghiệp liên doanh, liên kết với nước ngoài và doanh nghiệp FDI, làm giảm cơ hội phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, gây méo mó môi trường cạnh tranh, tạo ra sự bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, có nguy cơ gây bất ổn cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, khái quát chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước từ khi đổi mới đất nước đến nay đã dần được điều chỉnh và thay đổi trong lý luận và thực tiễn xây dựng, hoàn thiện, điều hành bằng pháp luật và các chính sách kinh tế, để phục vụ và bảo đảm cho trật tự hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế thích ứng với từng kiểu mô hình kinh tế, đó là:

(i) từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế hàng hóa, rồi kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định

hướng xã hội chủ nghĩa và hiện nay là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

(ii) từ quan điểm kinh tế công hữu là chính, với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa (khu vực quốc doanh và khu vực tập thể) giữ vai trò chi phối, rồi vai trò chủ đạo sang thừa nhận các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, ghi nhận các thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, tiến tới nhấn mạnh thành phần kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế và hiện nay là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế;

(iii) từ quan hệ phân phối chỉ theo lao động chuyển sang sử dụng nhiều hình thức phân phối, mà trong đó phân phối theo lao động và theo hiệu quả kinh doanh là chính, với các công cụ, quy định kinh tế về điều tiết, điều chỉnh phân phối thu nhập;

(iv) từ tự do kinh doanh và hoạt động của các thành phần kinh tế khác ngoài khu vực quốc doanh và khu vực tập thể không được khuyến khích trong Hiến pháp năm 1959 và Hiến pháp năm 1980 đến "Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật" trong Hiến pháp năm 1992 và nay là "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm" (Hiến pháp năm 2013);

(v) từ độc quyền về hoạt động ngoại thương của Nhà nước với các doanh nghiệp quốc doanh chuyển sang mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng với việc tạo điều kiện cho nhiều thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu, trong đó có kinh tế tư nhân;

(vi) từ việc tuyệt đối hóa vai trò, chức năng "làm mọi thứ, can thiệp trực tiếp..." của Nhà nước trong các hoạt động kinh tế sang xác định rõ hơn giới hạn quyền lực trong lĩnh vực kinh tế của Nhà nước là "Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển", còn thị trường "đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất", trên cơ sở "Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước".

4.2. KHÁI QUÁT THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

4.2.1. Ưu điểm và kết quả

4.2.1.1. Trong xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật về kinh tế

Pháp luật về kinh tế là cơ sở để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế, qua đó xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặc dù tính chất và đặc điểm khung pháp luật về kinh tế sẽ quy định thể

chế kinh tế của một quốc gia, nhưng việc xây dựng, hoàn thiện khung luật về kinh tế như thế nào cũng sẽ được tác động trở lại bởi tính chất và đặc điểm của thể chế kinh tế mà quốc gia đó lựa chọn.

Ở nước ta cũng vậy, khung luật về kinh tế được quy định và bảo đảm thực hiện quyền tự do kinh doanh, với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (dưới đây gọi tắt là Chiến lược xây dựng pháp luật) đề ra 6 định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật, trong đó định hướng thứ ba là xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dân sự, kinh tế, trọng tâm là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung vào một số lĩnh vực pháp luật kinh tế trọng điểm, đáp ứng kịp thời yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Định hướng này xác định 6 nhiệm vụ cụ thể về xây dựng và hoàn thiện pháp luật kinh tế, phục vụ quản lý nhà nước về kinh tế.

Sau 15 năm thực hiện Chiến lược xây dựng pháp luật, hệ thống pháp luật về kinh tế (tính đến tháng 6 năm 2020), cũng như pháp luật về dân sự, hành chính liên quan đến kinh tế, được bổ sung nhiều về số lượng và chủng loại văn bản pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và toàn diện để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, dân sự, hành chính.

Quốc hội đã ban hành mới, sửa đổi, bổ sung gần 60 luật; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 3 pháp lệnh. Số lượng văn bản luật ở lĩnh vực này chiếm khoảng 31% tổng số luật, pháp lệnh được ban hành từ năm 2005 đến tháng 6 năm 2020. Trong đó, đáng chú ý là Bộ luật Dân sự năm 2015 được coi là đòn bẩy của nền kinh tế thị trường. Các luật khác có liên quan đến kinh tế cũng đã được đồng loạt ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung để phù hợp và tương thích với pháp luật quốc tế, góp phần không nhỏ vào quá trình hội nhập toàn diện và sâu rộng về kinh tế của đất nước. Về nội dung và chất lượng văn bản pháp luật, các luật được ban hành mới, các luật sửa đổi bổ sung cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành luật đã tạo ra khung pháp lý quan trọng cho sự vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể là:

Thứ nhất, Nhà nước đã xây dựng và từng bước hoàn thiện pháp luật về sở hữu, quyền tự do kinh doanh. Điều 32, Điều 33 trong Hiến pháp năm 2013 về quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh là căn cứ pháp lý quan trọng cho việc thể chế hoá các luật về kinh tế, bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định để các doanh nghiệp, người dân yên tâm tiến hành các hoạt động kinh tế.

Luật Đầu tư năm 2014 (thay thế Luật Đầu tư năm 2005) với tinh thần cởi mở hơn, phạm vi điều chỉnh rõ ràng hơn (đã cụ thể rõ hơn giới hạn các ngành cấm đầu tư, thu hẹp phạm vi áp dụng giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với doanh nghiệp

FDI, rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận đầu tư...). Luật Hải quan năm 2014 đã có những sửa đổi, bổ sung mới quan trọng như cải cách thủ tục hải quan, nội luật hóa các cam kết quốc tế về hải quan; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hải quan, tăng cường bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh kinh tế nhằm phòng chống buôn lậu, mua bán, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và gian lận thương mại. Luật Doanh nghiệp năm 2014 có những quy định mới về đăng ký kinh doanh, mô hình quản trị công ty cổ phần và bổ sung một chương mới về doanh nghiệp nhà nước.

Luật Cạnh tranh năm 2018 đã quy định vai trò của Nhà nước là "Tạo lập, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng, bình đẳng, minh bạch. Thúc đẩy cạnh tranh, bảo đảm quyền tự do cạnh tranh trong kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật".

Luật Quản lý thuế năm 2019 có bổ sung thêm việc áp dụng đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu bao gồm: tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về đất đai; tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, trừ lĩnh vực thuế và hải quan; tiền nộp ngân sách Nhà nước theo quy định

của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công từ việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí; thu viện trợ và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 được Quốc hội thông qua số 64/2020/QH14, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư như sau: “Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Public Private Partnership - sau đây gọi là đầu tư theo phương thức PPP) là phương thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp tác có thời hạn giữa Nhà nước và nhà đầu tư tư nhân thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP nhằm thu hút nhà đầu tư tư nhân tham gia dự án PPP”. Cơ sở để hợp tác giữa hai chủ thể này là hợp đồng dự án PPP. Hợp đồng dự án PPP là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP về việc Nhà nước nhượng quyền cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP thực hiện dự án PPP. Hợp đồng dự án PPP bao gồm: Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (hợp đồng BOT); Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (hợp đồng BTO); Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (hợp đồng BOO); Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (hợp đồng O&M); Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (hợp đồng BTL); Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao (hợp đồng BLT); Hợp đồng hỗn hợp.

Thứ hai, Nhà nước ban hành pháp luật cho việc tạo lập đồng bộ các loại thị trường. Về cơ bản, Nhà nước đã xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật khá đầy đủ với các quy định để tạo lập đồng bộ năm loại thị trường chủ yếu: thị trường hàng hóa và dịch vụ; thị trường sức lao động; thị trường khoa học và công nghệ; thị trường bất động sản; thị trường tài chính. Hiện nay, thị trường bất động sản và thị trường khoa học và công nghệ đang là hai loại thị trường và cũng là hai vấn đề nổi lên được Nhà nước đặc biệt quan tâm và coi là những nguồn lực quan trọng để phát triển bền vững nền kinh tế.

Cơ sở pháp lý cho việc hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất, đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện với việc ban hành Luật Đất đai năm 2013, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014, Luật Nhà ở năm 2014. Cải cách thủ tục hành chính về quy hoạch, quản lý sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất đã được đẩy mạnh, đưa quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp. Tổ chức, cá nhân được kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai. Thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài đầu tư ở Việt Nam từng bước được mở rộng. Luật Nhà ở năm 2014 quy định đối tượng được sở hữu nhà ở tại Việt Nam bao gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài với một số điều kiện cụ thể, minh bạch.

Luật Chuyển giao công nghệ được ban hành năm 2017 góp phần phát triển thị trường khoa học và công nghệ cùng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, với doanh nghiệp là trung tâm. Thông qua các quy định của luật này, Nhà nước tập trung đẩy mạnh chuyển giao công nghệ cao, công nghệ nguồn, tiên tiến và hiện đại từ nước ngoài vào Việt Nam; khuyến khích chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài cũng như thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước; chú trọng lan tỏa công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp hoạt động chuyển giao công nghệ.

Thứ ba, Nhà nước đã xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tài chính công. Hệ thống pháp luật về thuế của Việt Nam đã liên tục được hoàn thiện theo hướng ổn định, đơn giản hơn, mức thuế phù hợp, có tính đến các định chế kinh tế quốc tế và khu vực cũng như các điều ước quốc tế khác có liên quan. Trong giai đoạn 2005 - 2015, Quốc hội ban hành nhiều luật về thuế. Với pháp luật về thuế, các quy định và chính sách thuế đã cơ bản bao quát đầy đủ các nguồn thu, phát huy vai trò của thuế với tư cách là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước; góp phần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng cho các thành phần kinh tế.

Luật Đầu tư công năm 2019, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Luật Đầu tư công gồm 6 chương với 101 điều, quy định việc quản lý nhà nước về đầu tư công; quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công.

Đánh dấu sự hoàn thiện thể chế, pháp luật về đầu tư công theo hướng thống nhất, đồng bộ với các luật có liên quan khác. Đồng thời, tăng cường quản lý chặt chẽ, hiệu quả các hoạt động đầu tư công và nguồn vốn đầu tư công cũng như tiếp tục khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. So với Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Đầu tư công năm 2019 đã tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập hiện hành liên quan đến các quy định pháp luật về đầu tư công.

Luật Kiểm toán Nhà nước sửa đổi năm 2019, được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8, ngày 26 tháng 11 năm 2019 bổ sung khái niệm cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán là: cơ quan, tổ chức, cá nhân được xác định trong quá trình kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán là có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của đơn vị được kiểm toán; bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán Nhà nước; bổ sung quy định về việc kiểm soát chất lượng kiểm toán nhằm bảo đảm mọi hoạt động kiểm toán đều được

kiểm tra, soát xét về chất lượng, Tổng Kiểm toán Nhà nước quy định cụ thể về tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng kiểm toán; đơn vị được kiểm toán được quyền khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán nhà nước theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Thứ tư, Nhà nước đã hoàn thiện pháp luật về tài nguyên và môi trường. Pháp luật về tài nguyên và môi trường cũng được liên tục được hoàn thiện theo nguyên tắc quản lý chặt chẽ, phát triển bền vững, bảo đảm kết hợp hài hoà giữa việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (thay thế Luật Bảo vệ môi trường năm 2005) kịp thời điều chỉnh nhiều vấn đề mới phát sinh như ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh môi trường, an ninh sinh thái với các giải pháp đồng bộ, đủ mạnh và có tính đột phá. Luật đã bổ sung các quy định mới như nguyên tắc bảo vệ môi trường phải gắn kết với bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải; bảo vệ môi trường phải gắn kết với bảo đảm quyền của trẻ em, thúc đẩy giới và bảo đảm mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành; quy định về lập quy hoạch bảo vệ môi trường; lập kế hoạch bảo vệ môi trường đối với những đối tượng không phải đánh giá tác động môi trường,...

4.2.1.2. Trong tổ chức triển khai thi hành pháp luật về kinh tế

Tổ chức triển khai thi hành pháp luật về kinh tế là nhiệm vụ chủ yếu thuộc về các cơ quan hành pháp, thông qua việc hướng

dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về kinh tế và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định của pháp luật về kinh tế. Thời gian qua, công tác bảo đảm thi hành, thực hiện thể chế kinh tế của nước ta đã đạt được một số kết quả sau:

Thứ nhất, về bộ máy quản lý kinh tế, bộ máy tổ chức của Chính phủ ngày một hoàn thiện, dần phù hợp với từng giai đoạn đổi mới chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính phủ từ chỗ là cơ quan chấp hành cao nhất (theo Hiến pháp năm 1946) trở thành cơ quan chấp hành cao nhất của quyền lực cao nhất (Hiến pháp các năm: 1959, 1980, 1992) đã củng cố tốt hơn tính độc lập của Chính phủ trong việc cụ thể hóa và ra các quyết định thi hành thể chế về kinh tế. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước và là cơ quan thực hiện quyền hành pháp.

Thứ hai, các cơ quan của Chính phủ đã được quy định rõ ràng hơn về chức năng, thẩm quyền cũng như chất lượng đội ngũ ngày một được nâng cao. Trước năm 2007, "chức năng, phương pháp quản lý kinh tế của Nhà nước thay đổi đã dẫn đến tổ chức bộ máy quản lý kinh tế của Nhà nước cũng thay đổi".

Từ năm 2017 đến nay, cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm bộ và các cơ quan ngang bộ. Quốc hội quyết định thành lập hoặc bãi bỏ các bộ và các cơ quan ngang bộ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ (theo Nghị quyết của Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XIV, cơ cấu tổ chức của Chính phủ bao gồm 22

bộ, cơ quan ngang bộ 18 bộ và 04 cơ quan ngang bộ), trong đó có các bộ làm chức năng quản lý nhà nước đa ngành về kinh tế như Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,... góp phần tinh giản bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế.

Thứ ba, quá trình triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ và mục tiêu về kinh tế ngày càng có quy trình đồng bộ và hiệu quả hơn. Có thể nói, Chính phủ đã quan tâm hơn tới vấn đề đơn giản hóa thủ tục hành chính và đây thực sự là một trong những bước đi đáng ghi nhận trong quá trình thể chế hóa và cụ thể hóa các pháp luật về kinh tế, với hiện thực hóa "nhà nước vì dân". Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, "trong năm 2018, Việt Nam xếp hạng 68/190 nền kinh tế được đánh giá về môi trường kinh doanh, tăng 14 bậc so với đánh giá trong năm 2017 (82/190 nền kinh tế)" và "Việt Nam được xếp thứ 8 trong số các nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư năm 2019, tăng 15 bậc so với năm 2018; năng lực cạnh tranh của Việt Nam được Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp thứ 67/141 quốc gia, vùng lãnh thổ, tăng 10 bậc so với năm 2018". Ngoài ra, đối với nền kinh tế, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương đã tập trung chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, tạo động lực cải cách mạnh mẽ và lan tỏa trong toàn hệ thống, tạo được niềm tin cho xã hội, người dân, doanh nghiệp. Các thể chế, văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thể hiện quyết tâm của việc đổi mới mạnh mẽ công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ

giữa cải cách hành chính với xây dựng Chính phủ điện tử và kiểm soát thủ tục hành chính.

Một số chính sách đã xóa bỏ và cắt giảm điều kiện kinh doanh cũng như giấy phép con đang được thực hiện với những hiệu quả khích lệ.

Trong báo cáo tại Hội nghị tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020: Sau khi Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 được ban hành, các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương tới chính quyền địa phương các cấp đã triển khai thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Hằng năm, Chính phủ, Ban Chỉ đạo đã đề ra các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính mang tính toàn diện, đồng bộ và chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương xây dựng, triển khai kế hoạch cải cách hành chính một cách thiết thực, cụ thể, phù hợp với Chương trình tổng thể và thực tiễn của các bộ, tỉnh. Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều văn bản chỉ đạo, quán triệt các bộ, ngành, địa phương xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là giải pháp quan trọng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể, nhiều bộ, ngành và địa phương đã có những mô hình, sáng kiến mới được nghiên cứu, áp dụng có hiệu quả. Đa số các mô hình, sáng kiến cải cách hành chính đã được triển khai, nhân rộng trong phạm vi của từng tỉnh, ngoài ra, cũng có nhiều mô

hình, sáng kiến đã được các tỉnh tham khảo, áp dụng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương mình.

Thứ tư, nguyên tắc dân chủ trong thực thi thể chế dần được đảm bảo; có thể nói, dân chủ là một trong những điều kiện tiên quyết để có một nền kinh tế thị trường đúng nghĩa, nhất là trong điều kiện nhất nguyên chính trị như Việt Nam hiện nay. Hơn thế, tư tưởng về dân chủ hóa quản lý kinh tế đã được Đảng và Nhà nước phổ biến từ những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp. Năm 1951, Sở Mậu dịch quốc doanh được thành lập, hệ thống cán bộ các cấp đã được tham gia các buổi phổ biến học tập về chính sách kinh tế dân chủ mới, thể hiện tinh thần đề cao vai trò quần chúng nhân dân đối với thực thi chính sách của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy, dù là dưới hình thức và phương pháp như thế nào, thực hiện dân chủ cũng là thực hiện "bước đệm" của một xã hội do dân và vì dân. Cho đến nay, tinh thần đó vẫn tiếp tục được phát huy không ngừng, với những cách thức ngày càng đa dạng và cập nhật xu hướng, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác này.

Chính phủ đã quan tâm và có nhiều biện pháp phát huy dân chủ trong quản lý kinh tế như các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế của Chính phủ đều có website riêng công bố thông tin, các văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế và cập nhật thường xuyên những tin hoạt động chính về đầu tư, thương mại. Thậm chí, khi Việt Nam trở thành một trong những quốc gia

châu Á có lượng tài khoản facebook lớn nhất, tháng 10 năm 2015, Chính phủ cũng lập tài khoản có tên "Thông tin Chính phủ" nhằm phổ biến các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ rộng rãi hơn trên internet.

4.2.1.3. Trong hoạt động bảo vệ các quan hệ kinh tế hợp pháp, xử lý vi phạm pháp luật về kinh tế và giải quyết tranh chấp kinh tế

Trách nhiệm xử lý các vi phạm pháp luật chủ yếu thuộc về các cơ quan tư pháp nhưng đối với lĩnh vực kinh tế, vai trò của các cơ quan hành pháp trong xử phạt, giải quyết khiếu nại, tố cáo, hòa giải tranh chấp về kinh tế cũng cần được đề cập.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trở thành một trong những "điểm sáng", có tác dụng lan tỏa tích cực trong xã hội, khởi tố một vụ để răn đe, cảnh tỉnh một vùng.

Thứ nhất, hệ thống tòa án giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong giải quyết các tranh chấp, vi phạm pháp luật về kinh tế, theo quy định của Luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Thương mại, Luật Trọng tài thương mại bên cạnh thẩm quyền của các cơ quan chính phủ.

Phương thức xử lý vi phạm pháp luật về kinh tế đã được áp dụng phong phú và đa dạng hơn, kết hợp giữa tòa án phân xử và trọng tài phân định, xử lý các tranh chấp liên quan đến kinh tế, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng trong kinh doanh giữa các chủ thể. Nhận thức về vai trò của trọng tài thương mại

ở nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực với tư duy mới mẻ hơn. Tổ chức và hoạt động trọng tài phân xử đã nhận được sự quan tâm và hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành. Chất lượng đội ngũ trọng tài viên ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn; hoạt động trọng tài đã có bước khởi sắc, số lượng vụ, việc được giải quyết bằng trọng tài đang có xu hướng tăng, loại tranh chấp được trọng tài giải quyết cũng đa dạng hơn; công tác quản lý nhà nước về trọng tài thương mại cũng thu được những kết quả khích lệ.

Thứ hai, công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đã được đẩy mạnh.

Thứ ba, hệ thống cơ quan tư pháp dần được hoàn thiện theo hướng tích cực, tăng tính độc lập với sự hỗ trợ hành lang pháp lý ngày càng được hoàn thiện. Trong thập kỷ gần đây, vấn đề cải cách tư pháp đang được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Đầu năm 2014, Bộ Chính trị đã đưa ra kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Ngành Tư pháp đã tập trung chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ tổng kết, tham gia tổng kết tình hình thực hiện nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong công tác xây dựng pháp luật, cải cách tư pháp, phổ biến và giáo dục pháp luật, công tác luật sư và hợp tác quốc tế về pháp luật. Qua đó, đã tham mưu, đề xuất Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban

hành các kết luận quan trọng, với nhiều nhiệm vụ, giải pháp có tính đột phá và bảo đảm khả thi để nâng cao hiệu quả các lĩnh vực công tác này trong thời gian tới.

Cùng với việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch, toàn ngành chú trọng chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao thêm; thường xuyên rà soát, theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động nhiệm kỳ của Chính phủ và nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Bộ Tư pháp đã ban hành Chương trình hành động nhiệm kỳ và hằng năm của ngành và tổ chức triển khai toàn diện trên các lĩnh vực công tác, đạt được nhiều kết quả nổi bật.

Riêng đối với năm 2020, thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã tập trung tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác tư pháp, nhất là ở địa phương. Qua đó, xác định ngày càng rõ hơn vị trí, vai trò của công tác tư pháp trong đời sống chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước; vị thế của ngành từ Trung ương đến địa phương ngày càng được tăng cường.

Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành Tư pháp được thực hiện theo đúng phương châm "Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả" của Chính phủ, bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và của từng địa phương.

4.2.1.4. Trong khắc phục và hạn chế các khuyết tật của kinh tế thị trường

Hiện nay, để khắc phục và hạn chế các khuyết tật chủ yếu của kinh tế thị trường ở nước ta, pháp luật và chính sách của Nhà nước đã được quan tâm hơn trong việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện, thể chế hóa thành các quy định, quy phạm pháp luật; công tác dự báo và chỉ đạo, điều hành, đã có tính khả thi, thiết thực hơn; công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, hòa giải, trọng tài phân xử được đẩy mạnh đi đôi với tăng cường xử lý, xét xử các vi phạm pháp luật về kinh tế thông qua các chế tài kinh tế, hành chính, kể cả bằng chế tài hình sự đối với những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Chú trọng xây dựng và triển khai thực hiện pháp luật, các chính sách kinh tế về dự báo và chủ động đối phó với khủng hoảng, suy thoái kinh tế, chung tay cùng xã hội "xóa đói, giảm nghèo", giảm bất bình đẳng xã hội và phân hóa giàu nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, việc làm cho người lao động, chống độc quyền (của doanh nghiệp và bản thân Nhà nước thông qua các doanh nghiệp nhà nước), bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, xử lý kịp thời những vi phạm môi trường, ảnh hưởng xấu đến xã hội...

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng; Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; kiểm soát độc quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển nhanh, bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng; cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển các ngành dịch vụ; phát triển kinh tế biển; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân.

Xây dựng thống nhất kết cấu hạ tầng và đô thị. Đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại; nâng cao chất lượng và quản lý tốt quy hoạch đô thị; xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện môi trường. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ. Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng mở, hội nhập; tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát huy sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức.

Phát triển bền vững văn hóa, xã hội trên cơ sở gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao mức sống người có công. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội; cải cách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với năng suất lao động.

4.2.1.5. Trong thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế đối ngoại

Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển văn hóa xã hội; hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện đồng bộ trong chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế năng lực của đất nước. Nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế về kinh tế mà Việt Nam tham gia, đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ kinh tế quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc

tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi.

Việt Nam đã đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất. Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Liên hợp quốc. Đẩy mạnh và từng bước đi vào chiều sâu các hoạt động hợp tác về quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo và các lĩnh vực khác; lồng ghép các hoạt động hội nhập quốc tế trong quá trình xây dựng và triển khai chiến lược phát triển trên lĩnh vực này. Chủ động ngăn ngừa và hạn chế tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, không phải không có những lúc bản thân những nhà hoạch định chính sách của Việt Nam cũng e ngại trước những tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đó có hai tác động chính là: thu ngân sách giảm do cắt giảm thuế xuất nhập khẩu; các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ bị tổn thương do mở cửa thị trường, xóa bỏ các hàng rào bảo hộ thuế quan và phi thuế quan. Song thực tế, kết quả từ hội nhập kinh tế quốc tế cho thấy đây là những thách thức trong ngắn hạn, còn về lâu dài, nếu chúng ta có các giải pháp ứng phó tốt thì có thể hóa giải được những thách thức và biến thách thức thành cơ hội.

Việc xử lý tác động của việc cắt giảm thuế quan tới nguồn thu ngân sách được Bộ Tài chính Việt Nam lưu ý trong thời gian tham gia đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) trước đây và đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) hiện nay với cách thức áp dụng là kiểm soát tốc độ giảm thuế với lộ trình được tính toán cẩn trọng. Giải pháp này kết hợp với những nỗ lực của ngành Tài chính và việc đa dạng hóa nguồn thu đã giúp cho tổng thu ngân sách của Việt Nam tăng lên nhiều lần.

Chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại đã góp phần tạo điều kiện cho hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam thời gian qua đạt được một số kết quả nhất định, đóng góp chung vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hàng hóa Việt Nam tiếp tục khai thác các thị trường truyền thống và mở rộng tìm kiếm, phát triển thêm nhiều thị trường mới. Đặc biệt, xuất khẩu sang thị trường các nước có Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam đều có tốc độ tăng cao so với năm 2017. Tỷ lệ tận dụng ưu đãi từ các thị trường đã ký kết Hiệp định thương mại tự do đạt khoảng 40%, tăng mạnh so với con số khoảng 35% các năm trước, qua đó cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đang ngày càng chú trọng tới việc khai thác các cơ hội từ hội nhập và thực thi các Hiệp định thương mại tự do.

4.2.1.6. Trong sử dụng các phương pháp thực hiện chức năng quản lý kinh tế

Các phương pháp được sử dụng trong chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước là một tập hợp gồm: phương pháp hành chính - giáo dục, phương pháp kinh tế và phương pháp tài phán. Nói chung, Nhà nước đã phối kết hợp hài hòa các phương pháp này và đối với mỗi phương pháp đều có những mặt tích cực nhất định, phù hợp với đặc thù của từng mối quan hệ kinh tế và đối tượng quản lý về kinh tế cần điều chỉnh.

a. Phương pháp hành chính kết hợp với giáo dục

Nhà nước luôn quan tâm sử dụng thông qua pháp luật về hành chính (như: Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Tố tụng hành chính năm 2015,...), buộc tất cả người dân, doanh nghiệp và kể cả Nhà nước, trong đó có các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế phải tuân thủ chấp hành; qua đó xác lập trật tự kỷ cương, cơ bản bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong quản lý kinh tế của Nhà nước. Hơn nữa, Nhà nước giảm can thiệp một cách thô bạo bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động của thị trường cũng như hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, các mối quan hệ kinh tế của người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, Nhà nước đã kết hợp với các biện pháp giáo dục tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, về cho vay trong các giao dịch dân sự; thông báo những phương thức, thủ đoạn cho vay lãi nặng, lừa đảo thông qua huy động vốn tự phát với lãi suất cao bất thường, các hành vi đòi nợ

trái pháp luật, hậu quả của "tín dụng đen" để người dân nâng cao ý thức cảnh giác và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; từ đó, vận động người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường không trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia hoạt động cho vay lãi nặng, "tín dụng đen", lợi dụng kinh doanh dịch vụ cầm đồ, đòi nợ, kinh doanh tài chính để vi phạm pháp luật,...

Có thể nói, sử dụng phương pháp hành chính trong quản lý nhà nước về kinh tế, Chính phủ đã kiên trì tiến hành cải cách hành chính với trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, qua đó mang lại những kết quả đáng kể, góp phần thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển, ổn định xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Các thủ tục hành chính luôn được quan tâm đổi mới theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội ngày càng tốt hơn, hạn chế sự sách nhiễu của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế. Đến nay, công tác cải cách thủ tục hành chính có những chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả trên một số lĩnh vực quan trọng như: thuế, hải quan, thành lập doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội..., góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng nguồn lực xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Cải cách tài chính công đã có được bước tiến lớn qua chương trình cải cách thuế bước 2, thể hiện ở Luật Quản lý thuế (chính sách thu thuế, tự kê khai nộp thuế), giải quyết các giao dịch, thủ tục hành chính một cửa; triển khai hải quan điện tử,... đã hạn chế tiêu cực, tiết kiệm thời gian, tiền bạc của nhân dân, doanh nghiệp và xã hội. Thể chế

về công vụ, công chức quản lý hành chính nhà nước về kinh tế ngày càng được hoàn thiện. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành đã góp phần hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao chất lượng, giảm thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

Mới đây nhất, Việt Nam cũng chính thức tham gia kết nối kỹ thuật cơ chế một cửa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Cơ chế một cửa quốc gia đã kết nối với các bộ: Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải. Theo đó, thủ tục hải quan được thực hiện dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 trên toàn quốc dựa trên hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS gắn với cổng thanh toán điện tử đối với thuế áp dụng cho hàng hóa xuất, nhập khẩu, lệ phí làm thủ tục hải quan.

b. Phương pháp kinh tế

Phương pháp này được coi là chủ đạo trong số các phương pháp Nhà nước sử dụng và tập trung hoàn thiện theo hướng đẩy mạnh sử dụng các chính sách kích thích, khuyến khích và ưu đãi về kinh tế để tạo động lực về lợi ích kinh tế, qua đó lôi cuốn, thu hút người dân, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời giảm thiểu các can thiệp hành chính trực tiếp vào thị trường, Nhà nước chỉ sử dụng các công cụ can thiệp gián tiếp để định hướng thị trường cùng với các chính sách bổ khuyết, khắc phục và hạn chế, xử lý những khuyết tật nảy sinh và thất bại mà kinh tế thị trường gây ra đối với nền kinh tế.

Chính phủ sử dụng các định mức kinh tế (thuế, lãi suất, tỷ giá,...), các đòn bẩy, kích thích kinh tế; các chính sách ưu đãi kinh tế;... nhằm thi hành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Có thể nói, đó là bước tiến vượt bậc trong tư duy, nhận thức của các cơ quan hành pháp, phù hợp với quy luật khách quan.

Thuế là công cụ quan trọng bậc nhất của Bộ Tài chính trong thực thi chính sách tài khóa, cùng với các khoản phí và lệ phí. Trong số hàng nghìn nghị định do Chính phủ ban hành, số lượng văn bản về thuế và lệ phí chiếm một lượng không nhỏ, ước tính từ trước tới nay lên tới hơn 200 nghị định. Không khó để lý giải thực trạng trên, bởi cải cách thuế luôn được đặt làm trọng tâm trong số các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Công cuộc cải cách chính sách thuế được thực hiện từ năm 1990 và đến nay đã thu được những kết quả đáng khích lệ, tạo điều kiện cho hệ thống thuế Việt Nam ngày càng phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo được tính tương thích với các nền kinh tế thị trường trong khu vực và toàn cầu, hướng tới giai đoạn hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới.

Đối với thị trường tiền tệ, tín dụng, các ngân hàng thương mại, biện pháp quản lý của Chính phủ ngày càng có xu hướng hiện đại hóa và phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Đặc biệt vào năm 2010, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XII đã tiếp tục hoàn thiện, thông qua Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các tổ chức tín dụng tạo nền tảng

pháp lý phù hợp hơn cho việc đổi mới hoạt động ngân hàng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Kể từ khi đổi mới, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động thực thi của Ngân hàng nhà nước ngày càng thể hiện nhiều hơn vai trò của một ngân hàng Trung ương. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cơ bản, tỷ giá, nghiệp vụ thị trường mở,... là những công cụ thường xuyên được cơ quan này áp dụng và tương đối có hiệu quả. Mặt khác, Chính phủ tích cực chuyển đổi phương thức điều hành bằng chỉ đạo hành chính sang sử dụng các công cụ lãi suất, tỷ giá, hay nghiệp vụ thị trường mở. Trong trường hợp cần thiết có sự can thiệp vào thị trường, Chính phủ quản lý tiền tệ bằng việc phát đi những tín hiệu cần thiết để các tác nhân tham gia giao dịch tự điều chỉnh hợp lý, thay cho các mệnh lệnh hành chính.

c. Phương pháp tài phán

Bao gồm chủ yếu là phân xử (trọng tài) và xét xử (tòa án). Có thể thấy việc giải quyết tranh chấp kinh tế và liên quan đến kinh tế ở nước ta đã có nhiều tiến bộ. Như đã biết, hiện nay ngoài các hình thức, biện pháp thương lượng, hòa giải, đối thoại được Nhà nước ta khuyến khích, phương pháp tài phán ở nước ta có hai biện pháp chủ yếu, được quy định bằng pháp luật để giải quyết tranh chấp về kinh tế là trọng tài kinh tế (chủ yếu là trọng tài thương mại) và tòa án xét xử (chủ yếu là tòa án kinh tế).

Thực tế trong những năm qua cho thấy, việc phân xử bằng trọng tài kinh tế được đánh giá có nhiều ưu điểm do đây là hình thức giải quyết do các bên tranh chấp về kinh tế tự thỏa thuận, được quyền chọn trọng tài viên và phán quyết một lần chung thẩm,... Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02 tháng 6 năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã khẳng định: "Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó". Đây là chủ trương rất quan trọng, làm cơ sở cho việc xây dựng các quy định pháp luật về những hình thức, biện pháp giải quyết tranh chấp kinh tế thay thế cho tòa án xét xử, như là hòa giải, trọng tài.

Trong những năm qua, số vụ tranh chấp thương mại được giải quyết bằng trọng tài mà tiêu biểu là tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (tiếng Anh: Vietnam International Arbitration Centre, viết tắt là VIAC) tăng liên tục. Đến tháng 3 năm 2018, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đã kết nạp thêm 6 chuyên gia trở thành trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam.

Gần đây, số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể và quy mô nền kinh tế của đất nước ngày càng gia tăng, đồng thời, số lượng các vụ vi phạm, tội phạm, tranh chấp về kinh tế cũng ngày càng nhiều, nhưng các tòa án đã cố gắng giải quyết tốt, đạt tỷ lệ gần 96%. Chất lượng xét xử không ngừng được nâng lên; tỷ lệ các bản án, quyết định bị huỷ, sửa liên tục giảm dần

qua các năm. Trong quá trình thực thi pháp luật, các tòa án xét xử các vụ án tranh chấp về kinh tế và liên quan đến kinh tế đã tuân thủ nghiêm các nguyên tắc hoạt động được ghi trong Hiến pháp năm 2013 và pháp luật về bảo vệ quyền con người, quyền công dân, góp phần nâng cao chất lượng xét xử, bảo đảm để pháp luật được chấp hành nghiêm minh và thống nhất, qua đó góp phần kiềm chế sự gia tăng của tội phạm kinh tế, thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của các giao dịch dân sự, hợp đồng kinh doanh, thương mại; bảo đảm an ninh, trật tự về kinh tế và ổn định đời sống kinh tế - xã hội đất nước.

4.2.2. Nguyên nhân của những ưu điểm và kết quả

Thứ nhất, vai trò, nội dung và các yếu tố của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được nhận thức ngày càng đầy đủ hơn; chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp phát triển đa dạng. Các quyền và nghĩa vụ về tài sản được thể chế hoá tương đối đầy đủ. Hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên. Việc đổi mới, sắp xếp, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh; kinh tế tập thể được quan tâm đổi mới; kinh tế tư nhân ngày càng được coi trọng; đội ngũ doanh nhân không ngừng lớn mạnh; thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt được kết quả tích cực.

Thứ hai, nhận thức về vai trò của Nhà nước, đặc biệt là việc Nhà nước sử dụng pháp luật là công cụ chủ yếu để điều chỉnh nền kinh tế đã được các nhà quản lý và các nhà luật học cơ bản thống nhất về mặt lý luận.

Thứ ba, hệ thống pháp luật nói chung, cơ chế, chính sách pháp luật về kinh tế nói riêng đã được Nhà nước quan tâm xây dựng, bổ sung và ngày càng hoàn thiện, phù hợp hơn với luật pháp quốc tế, cũng như về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn cùng những cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ tư, Nhà nước đã có sự điều chỉnh cần thiết, tác động có hiệu quả đến các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và thế giới. Môi trường đầu tư, kinh doanh dần được cải thiện và thông thoáng hơn; quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được bảo đảm hơn.

Thứ năm, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong việc thực hiện chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước đã từng bước được đổi mới, phù hợp hơn với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

4.2.3. Hạn chế và bất cập

(1) Hoạt động xây dựng và ban hành pháp luật về kinh tế

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về kinh tế chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, còn nhiều mâu thuẫn, chồng chéo, chất lượng chưa cao, thiếu ổn định, chưa thực sự là công cụ pháp lý quan trọng để góp phần hoàn thiện chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Chẳng hạn quyền tự do kinh

doanh của doanh nghiệp, người dân chưa được tôn trọng đầy đủ; môi trường kinh doanh còn thiếu cạnh tranh công bằng, bình đẳng; việc gia nhập, hoạt động và rút khỏi thị trường còn nhiều rào cản. Quản lý, điều hành giá cả một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu còn lúng túng, chưa thật sự tuân thủ theo nguyên tắc thị trường,...

Thứ hai, pháp luật về sở hữu còn nhiều bất cập. Thể hiện rõ nhất trong các quy định của Luật Đất đai năm 2013 với việc người dân, nhà khoa học đã phát hiện tới 20 điều bất hợp lý. Các quy định về cơ chế thu hồi đất, định giá đất, thẩm quyền giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tích tụ và tập trung ruộng đất,... và đặc biệt là quy định về hạn điền vừa làm cản trở quá trình tích tụ ruộng đất ở nông thôn, vừa làm hạn chế khả năng đầu tư của các doanh nghiệp lớn vào lĩnh vực nông nghiệp. Mặt khác, quy định về thu hồi đất phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế còn quá ưu tiên cho nhà đầu tư, chưa có những quy định hợp lý để bảo đảm quyền lợi chính đáng của người sử dụng đất, dẫn đến nhà đầu tư và người sử dụng đất cùng chưa đạt được mục đích sử dụng, thậm chí có một số quy định khi áp dụng vào thực tế đã làm người dân bức xúc, dẫn đến nhiều vụ việc khiếu kiện phức tạp và kéo dài.

Ngoài ra, vẫn còn một số quy định về sở hữu và quyền tài sản, đăng ký tài sản và đăng ký giao dịch liên quan tới tài sản, các biện pháp bảo đảm trong quan hệ vay nợ vừa thiếu, vừa chưa rõ ràng, không minh bạch, tạo ra nhiều bức xúc trong xã hội, vừa chưa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, trở thành lực cản đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước. Chưa có quy định bảo đảm cho việc công khai, minh bạch trong quá trình đăng ký tài sản và đăng ký giao dịch, cũng như pháp luật chưa có các quy định đầy đủ về những biện pháp bảo đảm trong quan hệ vay nợ nên dẫn đến tình trạng xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng còn gặp khó khăn. Các quyền về tài sản của chủ sở hữu vốn trong quan hệ vay, mượn còn thiếu sự bảo đảm.

Thứ ba, thiếu quy định pháp luật về chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước và quy định thể chế mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, xã hội. Cụ thể như: chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước và chức năng kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước vẫn còn nhiều điểm chưa được phân định rõ.

Cơ chế quản trị doanh nghiệp nhà nước chưa đáp ứng các chuẩn mực quốc tế; việc quy định và thiết lập chức năng của các bộ, ngành chưa thực sự hiệu quả, nhiều trường hợp còn chồng lấn chức năng và quyền hạn, tạo ra nguy cơ hạn chế công năng của các cơ quan này, cũng như gây phiền hà cho doanh nghiệp, người dân trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; thiếu quy định hạn chế việc Nhà nước đầu tư vào một số ngành và lĩnh vực mà tư nhân có khả năng và sẵn sàng đầu tư (như dệt may, giày da, xây dựng, thương mại,...) mà chỉ là chính sách chung chung.

Thiếu những chính sách, quy định cụ thể để Nhà nước đầu tư nhiều hơn vào các ngành công nghệ cao, các ngành có khả năng dẫn dắt, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại mà ít có doanh nghiệp có đủ nguồn lực để tham gia. Khung pháp lý về tổ chức cung cấp dịch vụ công chưa hoàn thiện, thiếu

quy định về việc huy động các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ công.

Thứ tư, quy định pháp luật về phân phối thu nhập chưa được thể hiện theo nguyên tắc thị trường, chưa đảm bảo mục tiêu hài hòa lợi ích của Nhà nước, người lao động, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội. Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng mất an toàn thực phẩm và tình trạng độc quyền ở một số lĩnh vực cũng gây nhiều bức xúc trong nhân dân.

Thứ năm, thể chế quản lý thuế, phí và giá còn nhiều bất cập. Thiếu quy định cụ thể, hợp lý như việc Nhà nước bảo hộ qua giá một số mặt hàng điện, than, xăng dầu, giá đất dẫn đến hiện tượng thất thu thuế và phí của Nhà nước, gây bức xúc cho người tiêu dùng. Thể chế thị trường bất động sản còn có nhiều bất cập, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà nước kiểm soát được biến động của thị trường bất động sản.

Bên cạnh đó, thiếu quy định pháp luật cụ thể và hợp lý về phân bổ nguồn lực trong thị trường bất động sản dẫn đến hiện tượng thị trường bất động sản thiếu ổn định, dẫn đến tình trạng "sốt" hoặc "đóng băng" kéo dài. Thể chế về vốn, tài chính, bảo hiểm, ngân hàng chưa phù hợp, thiếu quy định rõ ràng để tăng tính thanh khoản của thị trường chứng khoán và hạn chế rủi ro. Thị trường vốn tín dụng ngân hàng còn nhiều bất cập. Tỷ lệ nợ xấu còn cao.

(2) Hoạt động tổ chức triển khai thi hành pháp luật về kinh tế

Thứ nhất, bộ máy và cách thức thực hiện quyền chủ sở hữu chưa chuyên nghiệp, hiệu quả chưa cao, tính chịu trách nhiệm thấp. Cơ chế giám sát, đánh giá còn mang tính hình thức, chưa hiệu quả.

Thứ hai, cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật thay vì tập trung cho công tác quản lý và định hướng cho doanh nghiệp thì lại can thiệp trực tiếp và quá sâu vào các hoạt động kinh tế.

Thứ ba, thực hiện quyền hành pháp và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, nhưng Chính phủ vẫn đôi lúc "lấn sân" sang thực hiện quyền lập pháp, khiến cho việc tập trung vào thực thi quyền hành pháp của Chính phủ còn hạn chế. Hiện nay, Chính phủ đang thiếu sự cân bằng giữa công tác xây dựng chính sách, hành lang pháp lý về kinh tế với công tác thực thi chính sách và pháp luật về kinh tế. Tỷ lệ các văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế và liên quan đến kinh tế có sự tham gia của Chính phủ còn khá cao.

Các cấp chính quyền địa phương, cơ quan tư pháp thay vào việc tổ chức thi hành pháp luật, áp dụng pháp luật lại tiến hành quá nhiều hoạt động ban hành quy phạm pháp luật. Điều đó đã gây không ít khó khăn cho người dân, doanh nghiệp do có trường hợp một số văn bản quy phạm pháp luật của các cấp cùng đồng thời điều chỉnh một hoạt động kinh tế hay một quan hệ kinh tế.

Thứ tư, thực trạng "nguyên tắc tổ chức quyền lực Nhà nước chưa được nhận thức đầy đủ cả trên phương diện bản chất và

nội dung của các nguyên tắc này" dẫn đến lúng túng trong việc tổ chức thực thi pháp luật. Nguyên tắc tập quyền chỉ được xác định chung chung, chưa tạo được sự nhất quán về mô hình tổ chức quyền lực. Và "thực tế đã có sự đồng nhất nguyên tắc tập quyền với quan điểm toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào Quốc hội". Hơn thế, trong phân tích lý luận và tổ chức thực tiễn "không thể hiện được một cách thuyết phục sự khác nhau giữa phân công, phân nhiệm với phân quyền". Kết quả là dẫn tới "nguyên tắc quyền lực Nhà nước là thống nhất nhưng lại có sự phân công giữa ba quyền gặp rất nhiều khó khăn khi cụ thể hóa về mặt nội dung để tạo cơ sở cho sự thiết kế cơ chế quan hệ quyền lực trong bộ máy nhà nước".

Thứ năm, nguyên tắc dân chủ trong thực thi quyền hành pháp tuy đang dần được đảm bảo nhưng chưa được thực hiện một cách đầy đủ và nhất quán. Mặc dù được hiến định, nhưng nguyên tắc này về thực tế vẫn còn một số hạn chế trong thực thi. Chẳng hạn, mặc dù các cơ quan Chính phủ đều có trang tin điện tử riêng nhưng tính tương tác với độc giả còn hạn chế và nhiều trường hợp liên hệ không thuận tiện. Hệ quả là làm mất tinh thần dân chủ trong thực thi quyền hành pháp của Nhà nước và thậm chí "không ít trường hợp làm xơ cứng tính linh hoạt trong xử lý các quan hệ về mức độ giữa tập trung và dân chủ, giữa nhu cầu quản lý tập trung và phân cấp, phân quyền với các cấp, các ngành".

(3) Hoạt động bảo vệ các quan hệ kinh tế hợp pháp, xử lý vi phạm pháp luật về kinh tế và giải quyết tranh chấp kinh tế

Mặc dù trọng tài thương mại có hoạt động ngày càng chuyên nghiệp nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Chẳng hạn, sự hỗ trợ của tòa án trong thực thi các phán quyết của trọng tài thương mại hay chất lượng của trọng tài viên đối với các lĩnh vực chuyên sâu chưa đảm bảo yêu cầu các vụ việc cần xử lý. Nhiều ý kiến cho rằng, tình trạng hủy phán quyết trọng tài của tòa án đã và đang gây tâm lý lo ngại cho người dân và doanh nghiệp khi đưa ra quyết định lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài...

Thêm vào đó, số lượng các vụ việc tranh chấp được xử lý bằng trọng tài thương mại còn hạn chế, chiếm 1% trên tổng số vụ tranh chấp thương mại. Trong các trung tâm trọng tài thương mại, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) được đánh giá là trung tâm trọng tài lớn cũng chỉ giải quyết trung bình chưa đầy 100 vụ/năm. Thông thường, các trung tâm trọng tài chỉ giải quyết từ 5 đến 10 vụ/năm, thậm chí có trung tâm hầu như không giải quyết vụ việc nào kể từ khi thành lập đến nay.

Hệ thống cơ quan tư pháp chưa được tổ chức khoa học và chưa đảm bảo tính độc lập trong thực thi quyền giám sát thi hành chế chế và xử lý vi phạm thể chế kinh tế. Nếu có một hệ thống các văn bản pháp luật đầy đủ nhưng thiếu các thiết chế cần thiết để thực thi các quy định của pháp luật và để đưa pháp luật vào cuộc sống thì hệ thống văn bản pháp luật đó cũng trở nên ít ý nghĩa và kém hiệu quả. Tính chưa khoa học thể hiện ở hệ thống pháp luật còn cồng kềnh với hàng trăm luật, pháp lệnh, hàng nghìn nghị định, thông tư cùng các văn bản quy

phạm pháp luật khác. Đặc biệt, còn không ít các trường hợp gặp khó khăn và không thống nhất khi thi hành công tác xét xử.

Năng lực giám định tư pháp còn hạn chế, thể hiện ở các khía cạnh chủ yếu như:

(i) chưa thể hiện đúng vai trò trong công tác đánh giá văn bản luật, quy định do các cấp có thẩm quyền ban hành;

(ii) giám định chuyên môn trong các lĩnh vực đặc thù như tài chính, ngân hàng, xây dựng, chuyên ngành kỹ thuật trong nhiều vụ án lớn còn hạn chế, thời gian kéo dài, kết luận thiếu rõ ràng. Hơn nữa ở đây là phải có sự thống nhất giữa quá trình thiết lập hệ thống luật pháp, những người thi hành luật và bảo đảm thể chế kinh tế,...

(4) Hoạt động khắc phục và hạn chế các khuyết tật của kinh tế thị trường

Tình trạng các khuyết tật của kinh tế thị trường chậm được khắc phục và bổ khuyết, thể hiện: khai thác, sử dụng tài nguyên bừa bãi kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường nặng nề, chậm được khắc phục. Việc nhập công nghệ sản xuất lạc hậu, thiếu các biện pháp xử lý chất thải ở các làng nghề, các doanh nghiệp, các cụm, khu công nghiệp, các bệnh viện vẫn còn phổ biến; việc sử dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, các chất bảo quản còn diễn ra tràn lan, chưa kiểm soát được vệ sinh, an toàn thực phẩm. Do đó, dẫn đến ô nhiễm môi trường, với nhiều sự cố nghiêm trọng, làm suy thoái chất lượng đất, nước, không khí, ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế - xã hội và sức khỏe của người dân (việc xử lý ô nhiễm, cải tạo chất lượng nước trên các

sông, hồ chưa được chú trọng; tiến độ di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong các đô thị chưa đáp ứng yêu cầu đề ra).

Vì lợi ích cá nhân, vẫn còn nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người dân bất chấp các quy định pháp luật khai thác tài nguyên trái phép, buôn lậu, nhập khẩu và sản xuất hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng, đầu cơ tích trữ hàng hóa tạo sự khan hiếm giả tạo để nâng giá trục lợi, cạnh tranh không lành mạnh, gây hậu quả xấu cho xã hội.

Việc các khuyết tật của kinh tế thị trường chậm được bổ khuyết và khắc phục là do hoạt động của Nhà nước trong thực hiện chức năng quản lý kinh tế còn thiếu các quy định cụ thể được thể chế hóa từ khuôn khổ pháp luật về kinh tế. Một số quy định pháp luật về thương mại, môi trường, phá sản,... chậm được bổ sung, hoàn thiện như pháp luật về cạnh tranh (tổ chức cơ quan quản lý cạnh tranh; xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh; về mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh; về xử lý hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ nhằm loại bỏ đối thủ cạnh tranh; bán hàng đa cấp).

Một số bộ, ngành, địa phương chưa thực sự quyết liệt trong đôn đốc, phát hiện, xử lý vi phạm; các chế tài về hành chính, thương mại và và cả hình sự chưa đủ sức răn đe. Đây đó, vẫn còn sự can thiệp, tác động trực tiếp đến hoạt động của tòa án, ảnh hưởng đến độc lập xét xử trong việc giải quyết một số vụ án hình sự về kinh tế, tham nhũng, trong khi nhiều vụ án kinh tế (như liên quan đến nền kinh tế chia sẻ, kinh tế số), dân sự, hành

chính còn bất cập, thiếu sự quan tâm đúng mức, ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh, đầu tư và cạnh tranh lành mạnh.

(5) Hoạt động bảo đảm hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế đối ngoại

Việc tổ chức tuyên truyền, quán triệt về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cũng như nhận thức về các cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó thực hiện các thỏa thuận kinh tế, hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các cam kết, công ước mà Việt Nam đã tham gia, phê chuẩn vẫn còn nhiều bất cập.

Công tác thu thập, phân tích, dự báo tình hình thị trường hàng hóa trong nước và thế giới, thông tin tuyên truyền và hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng những cam kết ưu đãi chưa được đẩy mạnh. Chiến lược xúc tiến thương mại đối với từng mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh, hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác hiệu quả các tiện ích của công nghệ thông tin và đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động sản xuất xuất khẩu triển khai còn chậm.

Việc tiếp nhận thông tin về tình hình thị trường, áp dụng các rào cản kỹ thuật trong thương mại... chưa được phổ biến kịp thời đến các doanh nghiệp để ứng phó và hạn chế rủi ro, tổn thất. Thể chế, chính sách và cải cách thủ tục hành chính chậm được hoàn thiện phù hợp với tiến trình hội nhập. Thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên

quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế, hải quan vẫn còn phức tạp; chưa đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành để rút ngắn thời gian cấp giấy phép, qua đó giảm chi phí xuất nhập khẩu, thông quan hàng hóa và tạo thuận lợi hơn cho hoạt động kinh doanh và xuất nhập khẩu hàng hóa.

Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa được hệ thống hoá, còn chồng chéo, chưa phù hợp, thiếu rõ ràng, cụ thể để bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, khả thi phù hợp với các cam kết quốc tế và tình hình thực tế. Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế chưa được quan tâm đúng mức, nhất là việc tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn phổ biến thông tin, kiến thức hội nhập quốc tế về kinh tế cho đối tượng là cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp.

Còn thiếu chủ động, phối hợp phổ biến, hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức và kiến thức cho các doanh nghiệp về những cam kết quốc tế có liên quan để bảo đảm việc thực thi được đầy đủ, kịp thời. Chưa tập trung bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật quốc tế và các kỹ năng xử lý các vấn đề pháp luật quốc tế cho đội ngũ cán bộ pháp chế, đặc biệt là kiến thức pháp luật về Cộng đồng kinh tế Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các hiệp định thương mại tự do khác cho đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế ở các địa phương.

Chưa kiện toàn đầy đủ bộ máy tổ chức, nâng cao kiến thức và năng lực cho các cán bộ làm hội nhập kinh tế quốc tế của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực thi các cam kết quốc tế.

(6) Sử dụng các phương pháp thực hiện chức năng quản lý kinh tế

- Đối với phương pháp hành chính kết hợp với giáo dục: pháp luật về hành chính của Nhà nước có tính quyền lực, tính bắt buộc, nhưng thiếu chế tài đủ mạnh, chưa đủ sức răn đe nên trật tự, kỷ cương chưa được tuân thủ đầy đủ từ một bộ phận người dân, doanh nghiệp. Ngoài ra, Nhà nước vẫn còn can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động của thị trường, gây bất ổn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Việc Nhà nước kết hợp với các biện pháp hành chính với biện pháp giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, về tín dụng, dịch vụ cho vay trong các giao dịch dân sự, về cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, về vệ sinh, an toàn thực phẩm,... vẫn chưa được nhiều người dân, doanh nghiệp quan tâm và có ý thức chấp hành. Hơn nữa, cải cách hành chính vẫn còn chậm dẫn tới những hệ lụy là "thủ tục hành chính phức tạp, phiền hà, bộ máy chưa đạt yêu cầu tinh gọn, khoa học, hợp lý; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nhiều cơ quan, nhiều vị trí cán bộ, công chức chồng chéo; không rõ quyền hạn, trách nhiệm của tập thể với quyền hạn, trách nhiệm của cá nhân, nhất là người đứng đầu". Gần đây, số lượng thủ tục và thời gian tuy đã giảm đi, nhưng các doanh nghiệp, người dân có thể khởi nghiệp kinh doanh vẫn còn gặp khó khăn như

trong dịch vụ hành chính với các thủ tục hành chính; đặc biệt khi ban hành chưa coi trọng ý kiến của các tổ chức và cá nhân; chủ yếu ban hành là tạo thuận lợi cho các cơ quan nhà nước, nên chưa chú trọng đến bảo vệ lợi ích của người dân, doanh nghiệp và xã hội. Có những quy định thủ tục hành chính còn tạo thuận lợi cho cấp trên và khó khăn cho cấp dưới. Thủ tục hành chính còn nặng về hình thức và đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, giữa các cơ quan quản lý nhà nước các cấp về kinh tế, dẫn đến chậm trễ, nảy sinh tiêu cực gây thiệt hại cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.

- Đối với phương pháp kinh tế: hiện nay chưa xác định được mức độ can thiệp như thế nào là đủ của Nhà nước hay là Chính phủ đối với các hoạt động kinh tế do chưa phân định rõ và thể chế hóa chức năng quản lý kinh tế. Điều này dẫn tới các biện pháp can thiệp của Nhà nước, mà cụ thể là Chính phủ, trong nhiều trường hợp, còn can thiệp trực tiếp vào các nghiệp vụ sản xuất, kinh doanh. Và quan trọng hơn, do chưa hoàn thiện hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh tế, nên Chính phủ - với tư cách là người thực thi - và các chủ thể kinh tế - với tư cách là người chấp hành - thường xuyên gặp phải khó khăn khi tham gia các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Cho đến nay, Chính phủ thay vì dành nhiều thời gian cho chức năng quản lý kinh tế vẫn có xu hướng tập trung can thiệp vào hoạt động kinh tế.

- Đối với phương pháp tài phán: mặc dù Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã đáp ứng phần nào yêu cầu thực tế song sau một thời gian đi vào hoạt động đã bộc lộ nhiều thiếu

sót, bất hợp lý. Chưa kể, thói quen, tập quán của thương nhân Việt Nam tin tưởng tòa án hơn trọng tài. Hơn nữa, trọng tài viên ở Việt Nam đều là những người kiêm nhiệm trong lĩnh vực thương mại cho nên, trình độ một số trọng tài viên còn chưa chuyên nghiệp. Trong khi đó, các tranh chấp thương mại ngày càng phức tạp, nhất là tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Ngoài ra, hiện nay, xét về bản chất của nhiều vụ việc chưa được làm rõ (ví dụ: thực tế là tranh chấp về thủ tục thanh toán nhưng lại cho rằng là tranh chấp về hợp đồng) nên lẽ ra, các vụ việc nên sử dụng trọng tài kinh tế để xử lý tranh chấp, nhưng các bên lại chọn phương án kiện nhau ra tòa là không cần thiết. Và điều đó khiến cho các bên tốn kém chi phí và mất thời gian để chờ tòa xét xử ở nhiều cấp, chưa kể đến giai đoạn thi hành án cũng sẽ mất khá nhiều thời gian. Vì vậy, bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, Nhà nước cũng cần có hành động cụ thể nhằm hỗ trợ cơ chế cho hoạt động này.

Ngoài ra, cơ chế trọng tài kinh tế tại nước ta hiện nay còn bất cập, trong đó e ngại lớn nhất của các doanh nghiệp vẫn là sự can thiệp của tòa án (do phán quyết trọng tài vẫn có thể bị hủy bỏ bởi tòa án) đối với quá trình tố tụng trọng tài hoặc phán quyết trọng tài. Có trường hợp tòa án Việt Nam bác bỏ phán quyết của trọng tài với lý do trái với "những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam", trong khi tòa án tiến hành xem xét lại tình tiết của vụ việc. Về thủ tục tố tụng trọng tài, mặc dù các hội đồng trọng tài có thể đề nghị tòa án hỗ trợ trong việc triệu tập nhân chứng hoặc thu thập chứng cứ, nhưng trên thực tế, các

tòa án không chủ động hoặc không thực sự hỗ trợ hiệu quả đối với hoạt động tố tụng trọng tài.

Tại hội thảo "Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải - phương án khả thi cho doanh nghiệp" tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 8 năm 2020, cho biết trên thực tế, số lượng các vụ việc được giải quyết qua trọng tài kinh tế còn rất hạn chế. Năm 2017, Việt Nam có khoảng 400.000 vụ việc giải quyết tại tòa án, trong đó khoảng 100.000 vụ việc về kinh tế tranh chấp thương mại. Mặc dù tòa án thì đang quá tải, nhưng cũng chỉ đáp ứng một phần rất nhỏ các tranh chấp trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi đó, số vụ việc giải quyết tại trung tâm trọng tài chưa tới 1% số vụ việc được giải quyết tại tòa án.

Theo báo cáo của Nhóm công tác, sự can thiệp của tòa án Việt Nam không chỉ xảy ra trước khi tòa trọng tài đưa ra phán quyết (dẫn đến hoạt động tố tụng trọng tài bị chấm dứt), mà còn khiến phán quyết bị hủy bỏ sau khi đã được trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đưa ra.

4.2.4. Nguyên nhân của những hạn chế và bất cập

Thứ nhất, tư duy về vai trò của chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường chưa thực sự đổi mới, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa đủ rõ, còn có sự nhầm lẫn giữa vai trò, chức năng của Nhà nước với thị trường và xã hội. Kinh tế thị trường hiện đại được vận động với sự tham gia của ba chủ thể chính: thị trường, cụ thể là doanh nghiệp, cá thể sản xuất kinh doanh,

người tiêu dùng...; xã hội (tổ chức phi lợi nhuận, cộng đồng dân cư,...) và Nhà nước là chủ thể quản lý nền kinh tế đất nước. Trong thực tiễn quản lý nền kinh tế của Việt Nam hiện nay, còn có sự lẫn lộn về vị trí, vai trò của ba chủ thể này. Bên cạnh đó, Nhà nước còn can thiệp vào vai trò, chức năng của các chủ thể khác. Điển hình như trong quản lý kinh tế vĩ mô, vai trò quan trọng nhất của Nhà nước là định hướng mục tiêu phát triển, dự báo tình hình biến động của thị trường, kiểm soát độc quyền, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và cạnh tranh lành mạnh,... nhưng Nhà nước chưa tập trung đúng mức, mà còn can thiệp vào vấn đề giá cả, tiền lương,... trong khi đó đây là chức năng chính của doanh nghiệp.

Tư duy về Nhà nước phải có vai trò chủ yếu trong cả quản lý nhà nước về kinh tế và trực tiếp đầu tư, kinh doanh vẫn còn trong tư duy và phong cách quản lý của nhiều cán bộ, công chức ở một số cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, cả ở Trung ương và địa phương. Đây là tàn dư của tư duy hành chính quan liêu bao cấp còn ảnh hưởng nặng nề đến nay. Nhà nước vẫn còn bao biện một số nội dung chức năng, nhiệm vụ mà thị trường thực hiện hiệu quả hơn (huy động và phân bổ nguồn lực cho phát triển; quản trị doanh nghiệp), trong khi chưa chú ý đúng mức đến nội dung chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước mà Nhà nước có trách nhiệm, cần làm và phải hoàn thành (xây dựng và thực thi khung khổ pháp lý quản lý nhà nước về kinh tế, cung cấp hàng hóa và dịch vụ công trong một số lĩnh vực, hỗ trợ phát triển,...).

Thứ hai, năng lực xây dựng và thực thi thể chế còn nhiều bất cập, chưa theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và thiếu chế tài đủ mạnh. Thói quen can thiệp của Nhà nước vào thị trường bằng các biện pháp hành chính, thay vì sử dụng các công cụ can thiệp gián tiếp để điều tiết thị trường cũng là nguyên nhân khiến Nhà nước vận hành thị trường thiếu hiệu quả. Các vấn đề liên quan đến xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế còn thể hiện lợi ích cục bộ, lợi ích ngành.

Thứ ba, môi trường pháp luật, chính trị chưa thực sự để Nhà nước yên tâm cho phép các chủ thể kinh doanh thực hiện đầy đủ quyền tự do kinh doanh. Vẫn còn tình trạng Nhà nước thâu tóm vật tư, hàng hóa, thống nhất thu mua, độc quyền phân phối một số mặt hàng thiết yếu. Mặc dù kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, song vẫn còn hàm chứa những bất ổn khiến cho người dân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước còn e ngại về đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

Thứ tư, mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường, xã hội có lúc, có nơi chưa được thuận lợi dẫn đến bất cập và khó khăn khi Nhà nước chưa thực sự khách quan trong điều phối nền kinh tế và điều tiết, điều chỉnh một số mặt hàng thiết yếu có tác động tiêu cực đến lạm phát, ảnh hưởng đến đời sống người dân. Vai trò, chức năng, phương thức hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị chậm đổi mới, chưa phù hợp với phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Thứ năm, việc quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về kinh tế của Nhà nước ở các cấp, các ngành, nhất là người đứng đầu thiếu quyết liệt, hiệu quả thấp và chưa nghiêm. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên làm giảm hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt là nhiều doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng cũng là những thủ phạm gây thất thoát và tham nhũng tràn lan, trở thành gánh nặng của cả nền kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arne Svensson (2007), *Vai trò và chức năng quản lý nhà nước diễn ra ở Việt Nam*, Hội thảo do Viện Chiến lược và Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức ngày 08/9/2007 tại Hà Nội.

2. Lê Xuân Bá (2013), *Tổng quan về các đột phá chiến lược tại Việt Nam, Kinh tế Việt Nam năm 2013, triển vọng năm 2014: nỗ lực thực hiện ba đột phá chiến lược,* Diễn đàn kinh tế mùa thu 2013, thành phố Huế.

3. Lê Xuân Bá (2013), *Vị trí, vai trò và xu hướng phát triển của các thành phần kinh tế ở Việt Nam,* Hội thảo "Phát triển kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam hiện nay: thực trạng và giải pháp", Viện Nghiên cứu và Quản lý kinh tế Trung ương.

4. Vũ Đình Bách (2008), *Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5. Ban Chấp hành Trung ương (2001), *Nghị quyết số 07/NQ-TW của Bộ Chính trị về Hội nhập kinh tế quốc tế,* Hà Nội.

6. Ban Chấp hành Trung ương (2010), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Văn kiện Đại hội Đảng toàn tập,* Phần I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

7. Ban Chấp hành Trung ương khoá XII (2016), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 (Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới,* Hà Nội.

8. Ban Đối ngoại Trung ương (2013), "Về thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc", *Tạp chí Đối ngoại,* (8), trang 48 - 50.

9. Ban Kinh tế Trung ương (2015), *Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Ban Kinh tế Trung ương (2017), *Việt Nam với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

11. Báo Điện tử Chính phủ, "Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là khâu quan trọng nhất, 29/9/2015", truy cập tại *http://baochinhphu.vn/Du-thao-Van-kien-Dai-hoi-Dang-XII/Doi-moi-su-lanh-dao-cua-Dang-la-khau-quan-trong-nhat/237430.vgp.*

12. Tập Cận Bình (2018), *Tập Cận Bình về quản lý đất nước Trung Quốc (tập I)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Nhà xuất bản Ngoại văn Trung Quốc, Hà Nội.

13. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020*, tại trang *http://dangcongsan.vn,* [truy cập ngày 06/8/2016].

14. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Kết luận số 103-KL/TW ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Bộ Chính trị về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết trung ương 6 Khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường* định *hướng xã hội chủ nghĩa,* Hà Nội.

15. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Kết luận số 01-KL/TW ngày 04 tháng 4 năm 2016 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 48- NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

16. Bộ Nội vụ (2008), *Cơ sở xác định vai trò, chức năng của bộ máy nhà nước trong cơ chế chuyển đổi ở Việt Nam hiện nay*, Hội thảo khoa học.

17. Lý Tuyết Cần, *Sự lãnh đạo của Đảng là đảm bảo căn bản nhất của xây dựng nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa.*

18. Chu Văn Cấp (chủ biên) (1997), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

19. Trần Thị Minh Châu, Hoàng Ngọc Hòa và Nguyễn Anh Hoàng, và các đồng tác giả (2006), *Sở hữu Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

20. Hoàng Minh Chiến (2015), "Tranh chấp trong kinh doanh và thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng trong kinh doanh theo pháp luật Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (7).

21. Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng (2011), *Kinh tế Việt Nam: Thăng trầm và Đột phá*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

22. Nguyễn Văn Cương (2017), *Chức năng kinh tế của Nhà nước trong 30 năm đổi mới - nhìn từ góc* độ *pháp lý*, Đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.

23. Mai Ngọc Cường (Chủ biên) (1996), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

24. Dag Detter, Stefan Folster (2017), *Quản lý hiệu quả tài sản công*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

25. David O.Dapice, Đại học Harvard (2000), *Các lựa chọn và cơ hội - các con đường đã mở ra trước Việt Nam*, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

26. Huỳnh Thế Du (2013), "Luận giải về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu và thảo luận,* (29).

27. Nguyễn Đăng Dung (2006), *Nhà nước và trách nhiệm của nhà nước*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

28. Nguyễn Đăng Dung, Trịnh Quốc Toản và Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2016), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

29. Chu Đức Dũng (2002), *Vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế - Kinh nghiệm Pháp,* Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

30. Nguyễn Sĩ Dũng (2018), "Nhà nước kiến tạo hay nhà nước điều chỉnh", tại trang *http://www.tiasang.com.vn/,* [truy cập ngày 25/5/2018].

31. Trần Thái Dương (2002), *Chức năng kinh tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Luận án tiến sĩ Luật học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.

32. Đặng Đức Đạm (2002), *Phân cấp quản lý kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

33. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI*, Tài liệu của Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII,* Tài liệu của Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), "Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010", *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), "Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005", *Văn kiện* Đại hội đại *biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Nghị quyết Đại hội Đảng IX,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Tham luận tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung* ương *khoá XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

44. Nguyễn Văn Đặng (2006), "Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội", trong cuốn *Việt Nam 20 năm đổi mới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

45. Đê-vít Âux-bót và Tét-Gheblơ (1997), *Đổi mới hoạt động của Chính phủ,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

46. Lý Nhạc Đức (2014), *Xây dựng chính phủ pháp trị là nội dung quan trọng của thúc đẩy toàn diện quản lý đất nước theo pháp luật, Hội đồng Lý luận Trung ương, Hội thảo Lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc: Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc, Hà Nội.*

47. Bùi Xuân Đức (2002), "Vai trò, chức năng và hiệu lực của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế" trong cuốn *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.

48. Bùi Xuân Đức (2010), "Vai trò, chức năng của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay", *Tạp chí Luật học*, (5).

49. Trần Ngọc Đường (2015), "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước", tại *http://www.nhandan.com.vn/mobile/mobile_chinhtri/ mobile_tintucsukien/item/27834202.html*, [truy cập ngày 29/10/2015].

50. E.Wayne Nafziger (1998), *Kinh tế học của các nước đang phát triển,* Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội

51. Tô Tử Hạ (2015), *Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay*, *Bộ Nội vụ*, 30-7-2015,http://moha.gov.vn/70-nam/nghien-cuu-trao-doi/ xay-dung va- nang-cao-chat-luong-doi-ngu-can-bo-cong-chuc-nham-dap-ung-yeu-cau-nhiem-vu-trong-giai-doan-hien-nay-18036.html.

52. Minh Hạnh (2016), "Chính phủ liêm chính kiến tạo động lực để phát triển", tại trang *www.laodongthudo.vn*, [truy cập ngày 06/12/2016].

53. Lê Hồng Hạnh (1991), "Kinh tế thị trường và sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật kinh tế", *Nhà nước và Pháp luật*, (4).

54. Lê Hồng Hạnh (1992), *Khung pháp luật - một số vấn* đề *lý luận và thực tiễn,* tham luận tại Hội thảo khoa học của Bộ Tư pháp, Hà Nội.

55. Vũ Hạnh (2015), "Bộ máy cồng kềnh, cán bộ, công chức khó sống được bằng lương?", tại trang *http://vov.vn/vov-binh-luan/bo-may-cong-kenh-can-bo-cong- chuc-kho-song-duoc-bang-luong-443481.vov,* [truy cập ngày 24/10/2015].

56. Lê Thu Hằng (2002), "Góp phần đổi mới nhận thức về chức năng của Nhà nước", *Tạp chí Luật học*.

57. Vũ Văn Hiền (chủ biên) (2017), *Giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

58. Đinh Trường Hinh, Thomas G.Rawski, AliZafar LihongWang, Eleonora Mavroeidi (2014), *Các câu chuyện từ mặt trận phát triển kinh tế*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

59. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1999), Tập đề cương bài giảng *Quản lý kinh tế*, Khoa Quản lý kinh tế, Hà Nội.

60. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2001), *Giáo trình quản lý kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

61. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Quản lý kinh tế,* Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, tập 12, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

62. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Những tranh luận mới về chủ nghĩa xã hội (Chủ nghĩa xã hội: từ lý luận đến thực tiễn, tập 1)*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

63. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Những điều kiện để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới,* Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

64. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

65. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Quản lý kinh tế,* Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội

66. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

67. Học viện Hành chính quốc gia Việt Nam, Học viện Hành chính vùng Mets (Cộng hoà Pháp), Viện Kinh tế Việt Nam (2019), *Xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

68. Hội đồng Lý luận Trung ương (2011), *Hội thảo lý luận lần thứ 8 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và* Đảng *Cộng sản Trung Quốc,* Hà Nội.

69. Hội đồng Lý luận Trung ương (2012), *Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

70. Hội đồng lý luận Trung ương (2013), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn chủ yếu trong quá trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở Việt Nam và Lào,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

71. Hội đồng Lý luận Trung ương (2013), *Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế ở Trung Quốc*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

72. Hội đồng Lý luận Trung ương (2014), "Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc", *Hội thảo Lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản và Đảng Cộng sản Trung Quốc,* Hà Nội.

73. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

74. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và Lào - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

75. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam*, mã số KX.04.26/11-15.

76. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Phát triển và sáng tạo quản trị xã hội - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

77. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

78. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016) ngày 27/3/2015 về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,* Hà Nội.

79. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), *Chuyên* đề *số 4: Vấn đề xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam*, Hà Nội.

80. Hội đồng Lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam (Hội thảo khoa học) (2017), *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới*, Hà Nội.

81. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), *Hội nhập quốc tế - Kinh nghiệm của Lào, kinh nghiệm của Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

82. Hội đồng Lý luận Trung ương (2018), "Một số nhận thức lý luận và thực tiễn về xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững: những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới", *Hội thảo Thể chế phát triển nhanh - bền vững: kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới,* Vĩnh Phúc.

83. Hội đồng Lý luận và Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2019), "Quan điểm, chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế bền vững, sáng tạo, bao trùm", *Tài liệu Tọa đàm*, Hà Nội.

84. Phí Mạnh Hồng (2013), "Quan niệm như thế nào về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?", *Kỷ yếu Hội thảo Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường tại Việt Nam: Một số vấn đề lý luận - thực tiễn mới đang đặt ra,* tháng 6/2013, trang 137 - 152.

85. Nguyễn Quang Hồng, Trần Đình Tuấn (2012), "Vai trò nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong điều kiện của hội nhập kinh tế quốc tế", *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế,* (409).

86. Nguyễn Thị Việt Hương (1996), *Quản lý nhà nước về kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn cao học Luật, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Hà Nội.

87. J.E. Stiglitz (2008), *Tờ Người bảo vệ của Anh ngày 16/9/2008,* Anh.

88. Joseph E. Stiglitz (1995), *Kinh tế học công cộng*, Nguyễn Thị Hiền, Lê Ngọc Hùng và Nguyễn Văn Hưởng biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật và Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

89. Joseph E.Stiglitz, Bruce C.Greenwald (2017), *Xây dựng xã hội học tập - Cách tiếp cận mới cho tăng trưởng, phát triển và tiến bộ xã hội*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

90. Võ Văn Kiệt (trả lời phỏng vấn) (2007), *Thời kỳ mới đang cần một Chính phủ biết bứt phá,* VietNamNet, ngày 19/7/2007.

91. Klaus Schwab (2018), *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Bộ Ngoại giao, Diễn đàn kinh tế thế giới.

92. Lao động (2013), "30% công chức sáng cắp ô đi, tối cắp về", ngày 26/01/2013", truy cập tại *http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/30-cong-chuc-sang-cap-o-di- toi-cap-ve-2419375.html.*

93. Trần Du Lịch (2014), *Nhận thức về vai trò nhà nước và kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường của nước ta*, Diễn đàn quốc gia.

94. Hoàng Thế Liên, Bùi Ngọc Cường (2001), "Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật Kinh tế Việt Nam", *Giáo trình Luật Kinh tế,* Trường Đại học Luật Hà Nội.

95. Nguyễn Văn Linh (1991), *Đổi mới để tiến lên*, tập III, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

96. Lê Bộ Lĩnh (2002), *Chủ nghĩa tư bản hiện đại - khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

97. Lê Thành Long, Nguyễn Khánh Ngọc và Trần Anh Tuấn (2015), *Tác động của hội nhập quốc tế đến hệ thống pháp luật Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

98. Võ Đại Lược (chủ biên) (2011), *Những vấn đề cơ bản của phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020,* Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

99. M. Rajaretnam - Thái Quang Trung (2013), *Một Đông Nam Á - Vận mệnh chung, tương lai chung*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

100. Nguyễn Mại (2015), *Đọc và suy ngẫm*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

101. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

102. Nguyễn Đức Minh (2009), "Quyền tự do kinh doanh của công dân trong Nhà nước thuế", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (9).

103. Đinh Tuấn Minh, Phạm Thế Anh (chủ biên) (2016), *Từ nhà nước điều hành sang nhà nước kiến tạo phát triển*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.

104. Ngân hàng thế giới (1997), *Nhà nước trong một thế giới chuyển đổi*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

105. Ngân hàng thế giới và Chính phủ Australian (2019), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế Việt Nam - Chương trình nghị sự đề xuất nhằm xây dựng một nhà nước kiến tạo để thúc đẩy một nền kinh tế cạnh tranh và hiệu quả hơn.*

106. Phạm Duy Nghĩa (2004), *Chuyên khảo luật kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

107. Phạm Duy Nghĩa (2012), "Cải cách thể chế nhằm thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế", *Diễn đàn Kinh tế mùa xuân 2012*, Đà Nẵng, trang 134 - 145.

108. Hoàng Văn Nghĩa (2002), "Học thuyết nền kinh tế thị trường xã hội và ý nghĩa đối với Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (8), trang 58 - 59.

109. Nhà xuất bản Từ điển bách khoa (1999), *Từ điển luật học*, Hà Nội, trang 98.

110. Trần Nhâm (chủ biên) (1998), *Có một Việt Nam như thế - Đổi mới và phát triển kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

111. Nhiều tác giả (1995), *Kinh tế Đông Á nền tảng của sự thành công,* Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.

112. Nhóm Ngân hàng thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Việt Nam 2035 - Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, Báo cáo tổng quan.

113. P. A. Samuelson, William. D Nordhans (1997), *Kinh tế học,* tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

114. Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đặng và Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên) (2016), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

115. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền và Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên) (2016), *Một số vấn* đề *lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường* đi *lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

116. Nguyễn Xuân Phúc (2014), "Cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính: Thực trạng và giải pháp", tại trang, *http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao- doi/trao-doi-binh-luan/cai-cach-hanh-chinh-trong-linh-vuc-tai-chinh-thuc- trang-va-giai-phap-41205.html,* [truy cập ngày 17/01/2014].

117. Trần Phương, Đặng Phong (2009), *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975 - 1989*.

118. Ngọc Quang, "Số lượng công chức, viên chức tăng chóng mặt từ năm 2007 - 2014", *Báo Giáo dục Việt Nam*.

119. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

120. Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Tất Viễn (2010), *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân - Lý luận và thực tiễn,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

121. Lương Xuân Quỳ (1993), *Cơ chế thị trường và vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế nước ta hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, mã số KX.03.04.

122. Lương Xuân Quỳ (Chủ nhiệm), *Quản lý nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam,* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước KX.01-09.

123. Thục Quyên (2015), "Tố tụng trọng tài: Xu hướng mới trong xử lý tranh chấp thương mại", tại trang *http://baophapluat.vn/phong-su-dieu-tra-ve-kinh-te/to-tung-trong-tai-xu-huong-moi-trong-xu-ly-tranh-chap-thuong-mai-229457.html,* [truy cập ngày 25/02/2018].

124. Robert D. Atkinson và Stephen J. Ezell (2017), *Kinh tế học đổi mới - Cuộc đua giành lợi thế trên phạm vi toàn cầu*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

125. Lê Anh Sắc, Doãn Công Khánh, "Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Lý luận, thực tiễn và giải pháp", tại trang *http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2014/26037/Xay-dung-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu.aspx*, [truy cập ngày 25/02/2014].

126. Nguyễn Hồng Sơn (2004), *Vai trò kinh tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

127. Nguyễn Hồng Sơn, Vương Quân Hoàng (2015), "Chức năng kinh tế" và "Chức năng quản lý kinh tế" của Nhà nước", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (604).

128. Nguyễn Hồng Sơn (2017), "Vai trò kinh tế của nhà nước trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới"*, Hội đồng Lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm khoa học xã hội phối hợp tổ chức Hà Nội, trang 295 - 304.

129. Nguyễn Hồng Sơn (2017), "Vai trò của nhà nước trong quá trình đất nước phát triển nhanh và bền vững", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Những điều kiện để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới"*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, trang 201 - 206.

130. Nguyễn Hồng Sơn (2017), *Kinh nghiệm xử lý mối quan hệ nhà nước - thị trường của Hoa Kỳ,* Đề tài KX.04.12/16-20, Vũ Văn Hà (chủ nhiệm), Hà Nội.

131. Lê Văn Sua (2015), "Án lệ và vai trò của án lệ trong hoạt động xét xử của Tòa án", tại trang *http://moj.gov.vn/mobile/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=7046,* [truy cập ngày 03/11/2015].

132. Tạ Ngọc Tấn (2019), "Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị - vấn đề trung tâm trong xây dựng thể chế phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam", tại trang *http://hdll.vn/*, [truy cập ngày 11/02/2019].

133. Chu Tần (2013), *Nhìn lại quyết sách của Chính phủ Trung Quốc từ cải cách mở cửa đến nay,* Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu Tổng kết 30 năm đổi mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

134. Chu Hồng Thanh (1993), *Nhà nước quản lý kinh tế bằng pháp luật trong cơ chế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Luật học, Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

135. Trần Thành (2013), *Chủ nghĩa xã hội Việt Nam hiện nay - những quan điểm lý luận cơ bản*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

136. Phạm Sĩ Thành (2017), "Định hình kinh tế Trung Quốc sau Đại hội 19", *Thời báo kinh tế Sài Gòn,* (43), trang 60 - 61.

137. Nguyễn Đức Thành (Chủ biên) (2017), Đẩy *nhanh cải cách vì một nhà nước kiến tạo*, Báo cáo Thường niên kinh tế Việt Nam, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Đà Nẵng.

138. Đinh Xuân Thảo (2014), "Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa", *Hội thảo Lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Việt Nam Trung Quốc: Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Hội đồng Lý luận Trung ương Hà Nội, trang 21 - 34.

139. Nguyễn Văn Thạo, Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên) (2011), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

140. Nguyễn Văn Thạo (2017), "Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*.

141. Theo Vnexpress (2015), "Chính phủ tham gia facebook", tại trang *http://sdtv.vn/vn/chinh-phu-tham-gia-facebook*, [truy cập ngày 30/8/2018].

142. Đặng Văn Thi (2015), "Quan điểm của Đảng, nhà nước về xóa đói, giảm nghèo trong giai đoạn hiện nay", tại trang *http://hocvienchinhtribqp.edu.vn/ index.php/bai-bao-khoa-hoc/quan-diem-cua-dang-nha-nuoc-ve-xoa-doi-giam-ngheo-trong-giai-doan-hien-nay.html*, [truy cập 23/3/2015].

143. Think Tank Vinasa (2019), *Việt Nam thời chuyển đổi số,* Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.

144. Trần Văn Thọ (2002), "Làm gì trước thách thức và thời cơ mới", *Thời báo Kinh tế Sài Gòn,* (21).

145. Thời báo Kinh tế Sài Gòn (2019), "Sao không thấy hình bóng của thanh tra, kiểm tra", (27), ngày 04/7.

146. Lê Minh Thông (2011), *Đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

147. Thủ tướng Chính phủ (2010), "Cốt lõi đơn giản thủ tục hóa hành chính là vì dân", tại trang *http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Cot-loi-phuong-an-don-gian-hoa-thu-tuc-hanh-chinh-la-vi-dan/20104/11374.vgp,* [truy cập ngày 14/4/2010].

148. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp,* Hà Nội.

149. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp,* Hà Nội.

150. Thương hiệu và pháp luật (2017), "Việt Nam tăng 14 bậc về môi trường kinh doanh", tại trang *http://thuonghieuvaphapluat.vn/,* [truy cập ngày 20/02/2019].

151. Trần Quốc Toản (Chủ biên) (2019), *Thể chế phát triển nhanh - bền vững, kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

152. Tổng cục Thuế (2014), "Cần đột phá trong cải cách hành chính và tài chính công", tại trang https://chukysofpt.wordpress.com/2014/09/27/can-dot-pha-trong-cai-cach-hanh-chinh-va-tai-chinh-cong/amp/, [truy cập ngày 2/6/2018].

153. Nguyễn Phú Trọng (chủ biên) (2008), *Đổi mới và phát triển ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

154. Nguyễn Phú Trọng (chủ biên) (2011), *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

155. Trần Bình Trọng (2009), *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

156. Nguyễn Thế Trung (2015), "Đảng cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội", *Tạp chí Cộng sản*, (4).

157. Nguyễn Thế Trung (2019), "Ô nhiễm môi trường - Thực trạng và giải pháp", tại trang *http://hdll.vn/*, [truy cập ngày 11/6/2019].

158. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2002), *Quản lý kinh tế* (dùng cho cao học và nghiên cứu sinh), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

159. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2008), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

160. Nguyễn Kế Tuấn (2013), "Một số vấn đề về sở hữu và thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam", *Kỷ yếu Hội thảo Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường tại Việt Nam: Một số vấn đề lý luận - thực tiễn mới đang đặt ra*, June, Vol 2, pp. 403-436.

161. Nguyễn Kế Tuấn (Chủ biên) (2015), *Phát triển đất nước thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

162. Việt Tuấn (2014), "Giám sát hoạt động các cơ quan tư pháp: Còn nhiều hạn chế", tại trang *http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/674961/giam-sat-hoat-dong-cac-co-quan-tu-phap-con-nhieu-han-che,* [truy cập ngày 03/04/2014].

163. Phạm Thị Túy (2010), "Vai trò kinh tế của nhà nước trong thể chế kinh tế toàn cầu hiện nay", *Tạp chí Tổ chức Nhà nước,* (5).

164. Trương Đình Tuyển (2015), "TPP không có Việt Nam thì không có ý nghĩa gì", tại trang *http://cafef.vn/vi-mo-dau-tu/ong-truong-dinh-tuyen-tpp-khong-co-viet-nam-thi-khong-co-y-nghia-gi-20151121142246331.chn,* [truy cập ngày 21/11/2015].

165. Đào Trí Úc (Chủ biên) (2006), *Mô hình tổ chức và hoạt động của nhà pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (sách chuyên khảo), Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

166. Đào Trí Úc, Phạm Hữu Nghĩa (Đồng chủ biên) (2009), *Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Một số vấn* đề *lý luận và thực tiễn* (sách chuyên khảo), Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, Hà Nội.

167. Đào Trí Úc, "Mối liên hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự và vấn đề cải cách hành chính", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (200), trang 10.

168. Đào Trí Úc, Trương Thị Hồng Hà (2018), *Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

169. W. H. Janeway (2017), *Chủ nghĩa tư bản trong nền kinh tế đổi mới - thị trường, đầu cơ và vai trò của nhà nước*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

170. Văn phòng Quốc hội (2019), "Cơ sở dữ liệu của Văn phòng Quốc hội năm 2019", tại trang *http://quochoi.vn/vanphongquochoi*, [truy cập ngày 20/6/2019].

171. Hạ Vân (2004), "Về vai trò kinh tế của nhà nước ở Trung Quốc", *Tạp chí thông tin khoa học xã hội*, (7).

172. Nguyễn Hữu Viện (2001), *Luật Kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

173. Viện Kinh tế Việt Nam (2015), *Diễn đàn Kinh tế Việt Nam, Tổng kết 30 năm phát triển kinh tế Việt Nam (giai đoạn 1986 - 2015),* Hà Nội.

174. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển tiếng Việt,* Nhà xuất bản Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học.

175. Viện Quan hệ quốc tế Pháp (2003), *Thế giới toàn cảnh,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

176. Phạm Thái Việt (2008), *Vấn đề điều chỉnh chức năng và thể chế của Nhà nước dưới tác động của toàn cầu hoá*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

177. Võ Khánh Vinh (2009), "Một số ý kiến về sự thể hiện quan điểm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,* (3), trang 1 - 5.

178. Ngô Doãn Vịnh (2013), *Giải thích thuật ngữ trong nghiên cứu phát triển*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

179. VnExpress (2015),"Chính phủ tham gia Facebook", tại trang *http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/chinh-phu-tham-gia-facebook-3299512.html,* [truy cập ngày 21/10/2015].

180. VOV5 (2018), ""Kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2018 ước đạt 475 tỷ USD", tại trang *http://vovworld.vn/vi-VN/kinh-te/kim-ngach-xuat-nhap-khau-nam-2018-uoc-dat-475-ty-usd-704925*, [truy cập ngày 12/8/2018].

181. Nguyễn Thị Vy (1999), *Chức năng kinh tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ Luật, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật.

Tài liệu tiếng Anh

182. Dang, L.N.V., Napier, N.K. & Vuong, Q.H. (2012), *It takes two to tango: Entrepreneurship and creativity in troubled times - Vietnam 2012*. *Sociology Study, 2*(9), pp. 662 - 674.

183. Douglass C.North (1990), *Institution, Institutional Change and Economic Performance,* p. 4.

184. Duman, A., & Kurekova, L. (2012), "The role of state in development of socio-economic models in Hungary and Slovakia: the case of industrial policy", *Journal of European Public Policy*, 19(8), pp. 1207 - 1228.

185. Fan, S., Huong, P.L., & Long, T.Q. (2004), *Government spending and poverty reduction in Vietnam. Draft Report Prepared for the World Bank - Funded Project "Pro-Poor Spending in Vietnam," by International Food Policy Research Institute, Washington, DC and Central Institute for Economic Management,* Hanoi.

186. Gainsborough, M. (2002). *Political change in Vietnam: In search of the Middle-Class challenge to the state*, Asian Survey, 42(5), pp. 694 - 707.

187. Ha-Joon Chang (2014), *Economics: The User's Guide* A Pelican Introduction, Pelican Limited.

188. Irma Adelman and Cynthia Taft Morris (1967), *Society, Politics and Economic Development - A Quantitative Approach* (Hopkins Press).

189. Irma Adelman (1999), "The role of government in economic development", *Working Paper No.890*, University of California at Berkerly, May.

190. Lee, K and Mathews, J. (2010), "From Washington Consensus to BeST Consensus for World Development", *Asian Pacific Economic Literature*, 24 (2010,1), pp. 86 - 103.

191. Melanie Beresford (2008), "Doi Moi in review: The challenges of building market socialism in Vietnam", *Journal of Contemporary Asia*, 38:2, pp. 221 - 243, DOI:10.1080/00472330701822314.

192. Migdal, J.S. (1988). *Strong societies and weak states: state-society relations and state capabilities in the Third World*, Princeton University Press, pp. 269.

193. Vuong, Q.H. (2014), *Be rich or don't be sick: Estimating Vietnamese patients' risk of falling into destitution,* Working Papers CEB, N°14/031, Université Libre de Bruxelles.

194. Vuong, Q.H. & Napier, N.K. (2014), *Resource curse or destructive creation in transition: Evidence from Vietnam's corporate sector. Management Research Review*, 37(7), pp. 642 - 657 (Article's URL).

195. Yan Flint (2011), The Beijing - Seoul - Tokyo Consensus in Southeast Asia: Rethinking Varieties of State Capitalism and Development Trajectories in Malaysia, Vietnam and Lao PDR, Conference: *Rethinking Development in an Age of Scarcity an Uncertainty: New values, Voices and Alliances for Increased Resilence*, University of York, UK, Sep.